

Số: 566/ĐA-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Kỹ thuật phần mềm**; Mã số: **7480103**

Trình độ đào tạo: **Đại học - Chính quy**

Kính gửi: - Hội đồng trường, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo : **Kỹ thuật phần mềm**
- Mã ngành : **7480103**
- Hệ đào tạo : Chính quy
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ
- Thời gian đào tạo : 04 năm
- Năm dự kiến mở : 2023
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm: 60 chỉ tiêu/ năm
- Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa Công nghệ thông tin

2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (UEF) được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. UEF theo đuổi mục tiêu là sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội với giá trị cốt lõi Xuất sắc – Sáng tạo – Hội nhập – Phát triển và gắn liền với triết lý giáo dục “Giáo dục toàn diện – Học tập suốt đời”

Với mục tiêu nhất quán, UEF hướng tới tiêu chuẩn giáo dục đại học kết hợp tinh hoa giáo dục đại học Quốc tế cùng chuyển biến kinh tế trong bối cảnh hội nhập, đào tạo chuyên sâu về Kinh tế, tài chính đáp ứng nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao của xã hội. Trụ sở đào tạo tọa lạc tại số 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM. Với vị trí thuận lợi ở khu vực trung tâm thành phố, hệ thống học tập tiện nghi, phòng học

được thiết kế khoa học và được trang bị các thiết bị dạy, học hiện đại như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống mạng wireless, hệ thống âm thanh, ánh sáng phù hợp giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Trung tâm Thư viện của Trường có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, bao gồm nguồn tài liệu giấy và đặc biệt là nguồn tài liệu điện tử. Số đầu sách tại Trung tâm Thư viện luôn đảm bảo yêu cầu cho các chuyên ngành đào tạo. Nguồn tài liệu được chọn lọc kỹ về nội dung theo yêu cầu của giảng viên và sinh viên, đảm bảo tính mới, bao quát nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng đủ cho sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại UEF.

Ngoài ra, UEF đang triển khai dự án tại Khu Nam Sài Gòn có diện tích 5.5 ha với chiến lược xây dựng thành khu học xá phức hợp hiện đại tại Tp.HCM. Bên cạnh đó, UEF có những mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục và trường đại học trên thế giới. Trường đã thiết lập được quan hệ và liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài như Đại học Gloucestershire - UoG (Vương quốc Anh), Đại học Leeds Trinity - LTU (Vương quốc Anh), Đại học Bangkok - BU (Thái Lan), Đại học Keuka - KC (Hoa Kỳ). Qua những mối quan hệ hợp tác đó, nhiều giảng viên cũng hưởng được học bổng và sang thực tập tại trường bạn.

Xác định hướng đi mang tầm chiến lược kết hợp cùng thành quả UEF đạt được hơn 16 năm qua, phần nào đã đưa thương hiệu đào tạo của nhà trường đứng vững trong phân khúc đào tạo nhân lực chuẩn quốc tế tại Việt Nam, mang đến sự tin tưởng tuyệt đối trong lòng thí sinh và phụ huynh cả nước. Đội ngũ cán bộ khoa học có tâm huyết và uy tín khoa học cao đã và đang tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng các chương trình giảng dạy tiên tiến, kết hợp với nội dung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1. Tổ chức bộ máy của Trường

Ban lãnh đạo gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu

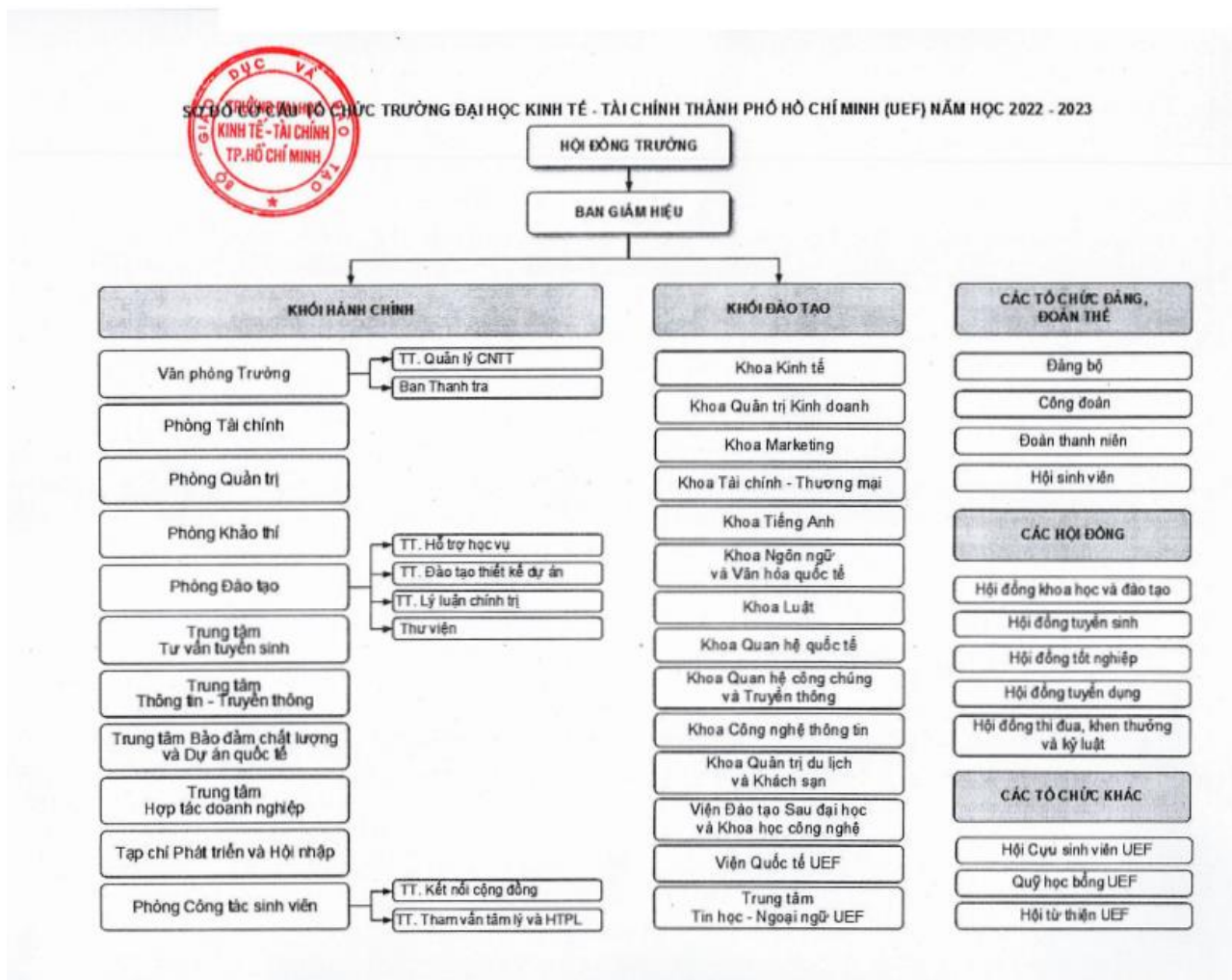
Về khối hành chính có 14 đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Trường (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Quản lý Công nghệ thông tin, Ban thanh tra).
- Phòng Tài chính
- Phòng Quản trị
- Phòng Khảo thí
- Phòng Đào tạo (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Hỗ trợ học vụ, Trung tâm Đào tạo và thiết kế dự án, Trung tâm Lý luận Chính trị, Thư viện)
- Trung tâm Bảo đảm chất lượng và Dự án quốc tế
- Trung tâm văn tuyển sinh
- Trung tâm Hướng nghiệp và Tuyển sinh UEF
- Trung tâm Thông tin - Truyền thông
- Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp

- Tạp chí Phát triển và Hội nhập
- Phòng Công tác sinh viên (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Kết nối cộng đồng)
- Viện Tây Ban Nha và Mỹ La Tinh UEF.
- Viện Văn hóa – Nghệ thuật UEF.

Về Khối đào tạo có 14 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

- Khoa Kinh tế
- Khoa Quản trị kinh doanh
- Khoa Marketing
- Khoa Tài chính - Thương mại
- Khoa Tiếng Anh
- Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
- Khoa Luật
- Khoa Quan hệ quốc tế
- Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Quản trị Du lịch và Khách sạn
- Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ
- Viện Quốc tế UEF
- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ UEF
- Các tổ chức chính trị xã hội gồm có: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Hội đồng và một số các tổ chức khác.



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023

2.2. Công tác đào tạo của trường

Sự thành công của công tác đào tạo tại UEF nhờ những điểm nhấn quan trọng như sau:

- Chương trình tiên tiến, giáo trình hiện đại, nội dung cập nhật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong xu thế hội nhập toàn cầu.
- Lớp học nhỏ, hầu hết khoảng 40 sinh viên, riêng lớp tiếng Anh khoảng 20 sinh viên. Phòng học trang bị hiện đại, dễ dàng thay đổi linh hoạt theo từng phương pháp giảng dạy. Đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo hiệu quả của các phương pháp giảng dạy tích cực, là điều kiện thuận tiện để giảng viên nắm chắc trình độ của từng sinh viên, hướng đến việc cá nhân hóa quá trình đào tạo.
- Đội ngũ giảng viên ưu tú, được chọn lọc theo các chuẩn mực: tâm huyết, giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm thực tế, nhuần nhuyễn trong phương pháp, thân thiện và gần gũi với sinh viên.
- Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng trong tất cả các môn học, giúp phát triển mạnh mẽ khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, đồng thời qua đó hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.

- Giảng dạy theo hướng truyền đạt tinh hoa, nhấn mạnh phương pháp tương tác, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề cùng các kỹ thuật hỗ trợ như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, v.v... chính là những nét đặc trưng của các lớp học tại UEF.

- Giáo dục kỹ năng là một trong những trọng tâm đào tạo của UEF, với mong muốn đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng đòi hỏi cao của thị trường lao động hiện nay. Bên cạnh việc đào tạo các kiến thức chuyên môn, Nhà trường cũng chú trọng vào việc đào tạo các kỹ năng cứng được chú trọng trong các môn học chuyên môn. Kỹ năng mềm được đưa vào chương trình huấn luyện chính khóa, ngoại khóa, đồng thời sinh viên có cơ hội vận dụng và rèn luyện trong tất cả các môn học khác cũng như trong các hoạt động ngoài lớp học.

- Anh ngữ: Sinh viên được xếp lớp học theo trình độ ngay từ lúc trúng tuyển vào trường, Nhà trường thực hiện giảng dạy các chương trình đào tạo song ngữ, việc giảng dạy tiếng Anh được thực hiện bởi các giảng viên nước ngoài và giảng viên có nhiều kinh nghiệm, đảm bảo khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh khá thông thạo trong giao tiếp nghề nghiệp, có thể làm việc trong môi trường quốc tế.

- Hệ thống thông tin và truyền thông:

Thư viện hiện đại với sự kết hợp giữa hai loại hình: truyền thống và điện tử. Đặc biệt, UEF đẩy mạnh hướng phát triển thư viện điện tử, số đầu sách phong phú, liên thông với thư viện của nhiều trường đại học, các cơ sở dữ liệu lớn ở trong và ngoài nước. Thông qua internet, người sử dụng có thể truy cập tài liệu thư viện vào bất cứ lúc nào, từ bất cứ nơi đâu.

Internet wifi hoạt động 24/7 tại tất cả các cơ sở của trường, phục vụ tốt nhất cho việc học tập và giảng dạy, nhất là theo phương pháp mới.

Phần mềm quản lý riêng có của UEF không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ, mà còn là môi trường giao tiếp thuận tiện, kể cả giữa Nhà trường với phụ huynh, giữa phụ huynh với sinh viên thông qua việc theo dõi tiến độ và kết quả học tập trên internet.

- Gắn kết lý thuyết và thực tiễn thông qua hai quá trình:

Quá trình đưa thực tế vào môi trường đào tạo được thực hiện trên cơ sở mời chọn những giảng viên giàu kinh nghiệm thực tế, những nhà quản lý giỏi và có khả năng sự phạm tham gia giảng dạy cho trường, những doanh nhân thành đạt chia sẻ kinh nghiệm cùng sinh viên. Bên cạnh đó, giảng dạy theo tình huống là phương pháp quan trọng để giúp sinh viên tiếp cận thực tế trong bài học.

Quá trình dẫn dắt sinh viên tiếp cận thực tế, được thực hiện trên cơ sở:

- Thực hành chuyên môn qua các đợt khảo sát thực tế và viết tiểu luận, làm dự án gắn kết nội dung từng môn học.
- Tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm và biến kiến thức thành quy trình, thành hoạt động thực tế.
- Kiến tập ở năm thứ ba là cơ hội để sinh viên được tiếp cận nghề nghiệp và làm quen với những công việc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Thực tập tốt nghiệp ở cuối năm thứ tư là sự trải nghiệm toàn diện về việc làm như là một nhân viên thực thụ ở nơi thực tập. Sinh viên sẽ học cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn, thực hành và rèn luyện kỹ năng, trau dồi thái độ hành xử...

- Nét nổi bật là có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với nhiều doanh nghiệp đối tác lớn, có uy tín để thực hiện hai quá trình nêu trên.

- Các trình độ đào tạo hiện nay:

- Đại học: 4 năm
- Thạc sĩ: 2 năm
- Tiến sĩ: 3 - 4 năm

2.3. Các ngành nghề đào tạo

Hiện nay, UEF đang đào tạo 35 ngành học thuộc hệ Đại học chính quy, cụ thể là:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bất động sản	7340116	
2.	Công nghệ tài chính	7340208	
3.	Công nghệ thông tin	7480201	
4.	Công nghệ truyền thông	7320106	
5.	Kế toán	7340301	
6.	Khoa học dữ liệu	7480109	
7.	Kiểm toán	7340302	
8.	Kinh doanh quốc tế	7340120	
9.	Kinh doanh thương mại	7340121	
10.	Kinh tế quốc tế	7310106	
11.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
12.	Luật	7380101	
13.	Luật kinh tế	7380107	
14.	Luật quốc tế	7380108	
15.	Marketing	7340115	
16.	Ngôn ngữ Anh	7220201	

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
17.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	
18.	Ngôn ngữ Nhật	7220209	
19.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
20.	Quan hệ công chúng	7320108	
21.	Quan hệ quốc tế	7310206	
22.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
23.	Quản trị khách sạn	7810201	
24.	Quản trị kinh doanh	7340101	
25.	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	
26.	Quản trị nhân lực	7340404	
27.	Quản trị sự kiện	7340412	
28.	Quảng cáo	7320110	
29.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
30.	Tài chính quốc tế	7340206	
31.	Tâm lý học	7310401	
32.	Thiết kế đồ họa	7210403	
33.	Thương mại điện tử	7340122	
34.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
35.	Digital Marketing	7340114	

Đối với hệ Sau đại học, trường đang đào tạo trình độ thạc sĩ với 05 ngành: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán; Luật Kinh tế và Ngôn ngữ Anh; trình độ tiến sĩ với 01 ngành: Quản trị kinh doanh. Số lượng sinh viên hiện nay như sau:

- Cao học : 610
- Đại học chính quy : 11923

Trường đã hoàn thành xây dựng mục tiêu đào tạo chung cho các ngành theo tiêu chuẩn quốc gia. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường đã xem xét, ban hành chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo (phù hợp theo chương trình khung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo).

II. SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan về nhu cầu và tình hình đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

1.1. Tầm quan trọng của ngành Kỹ thuật phần mềm

1.1.1. Cơ sở pháp lý

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động mạnh mẽ vào nền kinh tế thế giới, tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chính phủ đã đặt ra một trong 10 nhiệm vụ chủ yếu để phát triển đất nước là *“Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế”* [2]. Do đó, việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế là cấp thiết.

Tại Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp Công nghệ thông tin (CNTT) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, được phê duyệt theo QĐ 392/QĐ-TTg ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, đã nhấn mạnh quan điểm chủ đạo là *“Thúc đẩy phát triển các lĩnh vực công nghiệp CNTT, ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm, sản phẩm nội dung số, thiết kế, sản xuất vi mạch, cung cấp dịch vụ CNTT Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng xuất khẩu”* và mục tiêu đến năm 2025 *“Công nghiệp CNTT trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn; Việt Nam đủ khả năng phát triển, sản xuất các sản phẩm, dịch vụ CNTT đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, tạo nền tảng để phát triển kinh tế tri thức, góp phần làm chủ các hệ thống thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và chủ quyền số quốc gia”* [3]. Đồng thời, Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cũng đã xác định *“Tận dụng tối đa lợi thế của đất nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khai thác triệt để thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lợi thế thương mại để phát triển nhanh, chuyên sâu một số ngành công nghiệp nền tảng, chiến lược, có lợi thế cạnh tranh; Phát triển công nghiệp CNTT, công nghiệp điện tử là con đường chủ đạo”* [1]. Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển nhanh chóng của nền công nghệ 4.0 đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao về CNTT nói chung và Kỹ thuật phần mềm nói riêng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, giúp gia tăng sức mạnh cạnh tranh và phù hợp với các xu thế mới hiện nay.

1.1.2. Cơ sở thực tiễn

Ngày nay, internet được “phổ cập” trên mọi mặt cùng với sự phát triển của công nghệ số đã tác động mạnh mẽ vào đời sống con người. Bằng chứng là các thiết bị điện tử thông minh như smartphone, máy tính, ipad,... trở nên phổ biến, con người dần quen thuộc việc áp dụng chương trình như Excel, PowerPoint, Microsoft Word, Google Chrome,... vào trong công việc, học tập hay sử dụng mạng xã hội, giải trí như Facebook, Instagram, Tiktok,... ở

mọi lúc mọi nơi; Hoặc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phần mềm công nghệ còn thay thế con người điều khiển các thiết bị phần cứng, tự động hóa các quy trình sản xuất, số hóa dữ liệu, từ đó con người được giải phóng khỏi những công việc thủ công, giảm thiểu các sai sót và gia tăng năng suất lao động.

Với những tiềm năng nổi bật như vậy, ngành Kỹ thuật phần mềm mặc nhiên trở thành một trong những ngành có sức hút lớn về nhân sự và được nhiều bạn trẻ quan tâm lựa chọn học tập. Đây là ngành chuyên sâu của CNTT liên quan đến thiết kế, phát triển, thử nghiệm và bảo trì các ứng dụng, phần mềm công nghệ. Các cử nhân phần mềm được đào tạo những kiến thức liên quan đến quy trình phát triển phần mềm một cách chuyên nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm phần mềm đạt chất lượng cao, đáp ứng các nhu cầu nghiệp vụ cụ thể.

Bên cạnh đó, theo bảng xếp hạng US New Rankings (Hoa Kỳ), kỹ sư/cử nhân phần mềm xếp hạng #1 trong Top 100 The Best Business Jobs năm 2023 [4], qua đó càng khẳng định được cơ hội phát triển nghề nghiệp và vị thế của nguồn nhân lực được đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm, đặc biệt là trong kỷ nguyên công nghệ 4.0.

1.2. Đánh giá nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố, tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước có 116,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.086,8 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 748,9 nghìn lao động, tăng 3,1% về số doanh nghiệp, giảm 14,6% về vốn đăng ký và giảm 1,2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, cùng giai đoạn này đã có hơn 37 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 13% so hơn cùng kỳ; Riêng về hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Thành phố đã cấp phép mới 860 dự án, tăng 51,7% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 406,1 triệu USD, tăng 16,7%. Ngoài ra, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) trên địa bàn cũng tăng 3,2% so với cùng kỳ [5].

Theo Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2022 – 2026, Thành phố tập trung phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, các ngành sử dụng nhiều lao động trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, dựa trên nền tảng công nghệ và thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường; Thành phố tiếp tục phát triển 4 ngành công nghiệp trọng điểm bao gồm: Cơ khí; điện tử - CNTT; chế biến tinh lương thực thực phẩm; hóa dược – cao su, trong đó nhu cầu nhân lực ngành điện tử - CNTT ngày càng tăng, đặc biệt về chuyên ngành và chất lượng nhân lực chuyên môn cao, dự kiến nhu cầu nhân lực của ngành hằng năm bình quân cần khoảng 22.594 – 28.843 người, chiếm 9,06% tổng nhu cầu nhân lực, tỷ lệ qua đào tạo là 95,21% [7].

Tại môi trường làm việc thực tế, cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các doanh nghiệp hoạt động với nhiều lĩnh vực khác nhau như trở thành chuyên viên thiết kế – phát triển – gia công phần mềm, thiết kế hệ thống website,... cho các công ty phát triển phần mềm, công ty sản xuất kinh doanh; Đảm nhiệm vị trí phát triển CNTT của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng,... hoặc các doanh nghiệp ứng dụng và phát

triển CNTT; Hay làm chuyên viên phân tích, thiết kế, cài đặt, quản trị, bảo trì các phần mềm máy tính đáp ứng nhu cầu khác nhau tại các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài. Ở cấp bậc cao hơn, cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm còn có thể đảm nhận các vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như chuyên viên phân tích nghiệp vụ (Business Analysis), quản lý sản phẩm (Product Owner), quản lý dự án (Project Manager/Product Manager/ Scrum Master), quản trị hệ thống (System Administrator/ Dev-op),... Ngoài ra, các cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cũng có thể khởi nghiệp để tự thiết kế, phát hành các sản phẩm phần mềm, game, ứng dụng trên thiết bị di động thông minh.

Bên cạnh đó, trang TopDev – nền tảng chuyên tuyển dụng nhân sự ngành CNTT dự đoán trong Báo cáo thị trường CNTT Việt Nam năm 2023 rằng mặc dù mức lương và tiền thưởng của ngành CNTT đang tăng lên đáng kể, song từ năm 2023 - 2025, Việt Nam vẫn sẽ thiếu hụt từ 150.000 – 200.000 lập trình viên, kỹ sư hàng năm. Trong đó, có hơn 57.000 kỹ sư công nghệ bước vào thị trường lao động mỗi năm nhưng chỉ khoảng 30% nhân sự đáp ứng được những kỹ năng và chuyên môn, yêu cầu thực tế mà doanh nghiệp đặt ra; 70% còn lại cần được bố trí đào tạo thêm tại doanh nghiệp trong 3 – 6 tháng để làm quen với công việc và môi trường làm việc [6].

Qua đó có thể thấy, để đáp ứng những đòi hỏi về nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ công nghệ số và hội nhập quốc tế, Thành phố Hồ Chí Minh cần tiếp tục đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao liên quan đến các ngành nghề về CNTT, đặc biệt là đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm. Đây là một trong những yếu tố giúp tăng lợi thế cạnh tranh, làm nền tảng để phát triển kinh tế tri thức, góp phần mang lại nhiều hiệu quả kinh tế xã hội cho Thành phố.

1.3. Thực trạng đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học ở Việt Nam hiện nay

Nắm bắt xu hướng phát triển và nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động, hiện nay nhiều cơ sở giáo dục đại học đã khá thành công trong việc thu hút và triển khai đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, có thể kể tên như sau:

Tại khu vực miền Bắc:

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;
- Trường Đại học Công nghệ Thông tin và truyền thông - Đại học Thái Nguyên;

Tại khu vực miền Trung:

- Trường Đại học Duy Tân;
- Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng;
- Trường Đại học Quy Nhơn.

Tại khu vực miền Nam:

- Trường ĐH Khoa học tự nhiên - ĐHQG TP.HCM
- Trường Đại học Công nghệ thông tin - ĐHQG TP.HCM

- Trường Đại học Tôn Đức Thắng;
- Trường Đại học Văn Lang;
- Trường Đại học Hoa Sen.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm ở mỗi cơ sở giáo dục đại học đều mang bản sắc riêng, tuy nhiên nhìn chung số lượng sinh viên tốt nghiệp vẫn chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Do đó số lượng cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm hiện nay vẫn đang trong tình trạng thiếu hụt và chưa đủ cung ứng cho thị trường lao động.

Từ những phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội và thực trạng đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học ở Việt Nam hiện nay cho thấy việc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh (UEF) thực hiện mở ngành và tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm là hoàn toàn cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động Việt Nam và thế giới, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

2.1. Cách thức tổ chức nghiên cứu

Nhằm tìm hiểu rõ hơn về nhu cầu nhà tuyển dụng đối với nguồn nhân lực tốt nghiệp trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, nhóm nghiên cứu đã tham khảo ý kiến của đại diện các đơn vị sử dụng lao động đang hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc khảo sát chủ yếu được thực hiện trên Google Form với nội dung triển khai cụ thể như sau:

Nội dung khảo sát: Thông tin cá nhân và đơn vị sử dụng lao động; vai trò nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học; nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học của đơn vị; xác định các yếu tố cần thiết để tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học; khả năng giới thiệu người thân lựa chọn Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM là nơi đăng ký học tập ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, những lưu ý mà Trường cần quan tâm khi tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học và những ý kiến đóng góp, đánh giá tính phù hợp cho chương trình đào tạo này.

Link khảo sát : <https://forms.gle/jrX8xmh96ULeujHv5>

Xử lý kết quả khảo sát

Nghiên cứu này sử dụng các hàm trong phần mềm Microsoft Excel để xử lý dữ liệu. Trong đó, các thông tin định lượng được xử lý theo tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn. Các thông tin định tính được xử lý theo phương pháp phân tích nội dung.

Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ quan trọng/cần thiết, thang đo cụ thể được xác định như sau: Thấp nhất là mức 1 và cao nhất là mức 5; **giá trị khoảng cách thang đo** = $(5-1)/5=0,8$; tương ứng với thang điểm trung bình (ĐTB) như sau:

- Mức 1: *hoàn toàn không quan trọng/hoàn toàn không cần thiết* tương ứng **ĐTB từ 1 đến cận 1.8**;
- Mức 2: *không quan trọng/không cần thiết* tương ứng **ĐTB từ 1.8 đến cận 2.6**;
- Mức 3: *khá quan trọng/khá cần thiết* tương ứng **ĐTB từ 2.6 đến cận 3.4**;
- Mức 4: *quan trọng/cần thiết* tương ứng **ĐTB từ 3.4 đến cận 4.2**;
- Mức 5: *hoàn toàn quan trọng/hoàn toàn cần thiết* tương ứng **ĐTB từ 4.2 đến 5**.

2.2. Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nguồn nhân lực ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

2.2.1. Đối tượng khảo sát

Nhóm nghiên cứu đã triển khai khảo sát 28 cá nhân đại diện của các đơn vị sử dụng lao động sau:

Bảng 1. Lĩnh vực hoạt động của đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát

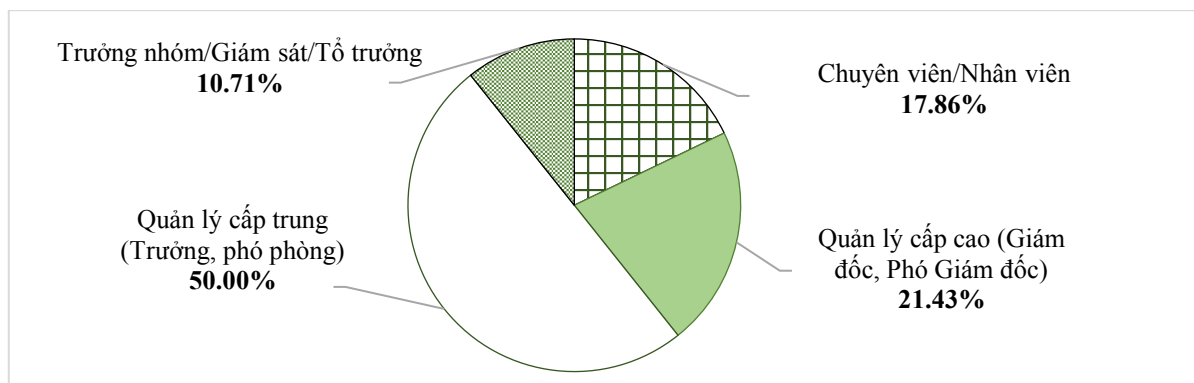
STT	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng	Tỷ lệ
1	Thông tin và truyền thông	8	28.57%
2	Giáo dục và đào tạo	5	17.86%
3	Vận tải kho bãi	3	10.71%
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	3	10.71%
5	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2	7.14%
6	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	2	7.14%
7	Hoạt động dịch vụ khác	2	7.14%
8	Bán buôn và bán lẻ	1	3.57%
9	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1	3.57%
10	Hoạt động kinh doanh bất động sản	1	3.57%
Tổng		28	100

Kết quả khảo sát cho thấy sự đa dạng trong lĩnh vực hoạt động của các đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát về nhu cầu đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm. Trong đó, chiếm tỷ lệ lớn nhất là các đơn vị sử dụng lao động đang hoạt động trong lĩnh vực “Thông tin và Truyền thông” với **28.57%**, kế tiếp là lĩnh vực “Giáo dục và đào tạo” với

17.86%, “*Vận tải kho bãi*” và “*Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ*” cùng với **10.71%**. Ngoài ra, còn có các đơn vị sử dụng lao động đang hoạt động trong các lĩnh vực như “*Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm*”, “*Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội*”, “*Hoạt động dịch vụ khác*” với tỷ lệ dao động từ **3.57%** đến **7.14%**.

Bên cạnh đó, các cá nhân đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát còn đảm nhận những vị trí khác nhau trong đơn vị, cụ thể như sau:

Biểu đồ 1. Vị trí công việc của các cá nhân đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát



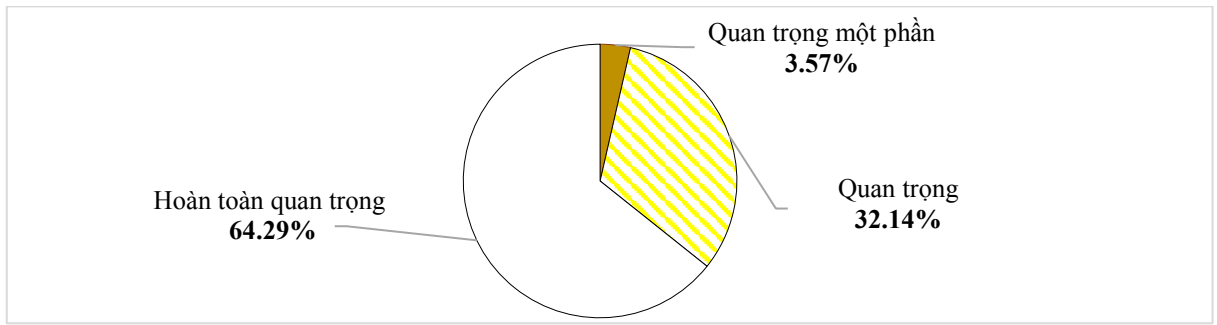
Kết quả khảo sát trên cho thấy, các cá nhân đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát chủ yếu là “*Quản lý cấp trung (Trưởng, phó phòng)*” chiếm **50.00%**, kế tiếp là “*Quản lý (giám đốc, phó giám đốc, trưởng/phó phòng,..)*” với **21.43%** và chiếm tỷ lệ thấp nhất là “*Trưởng nhóm/Giám sát/Tổ trưởng*” với **10.71%**.

Qua đó, kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm bảo đảm độ tin cậy, tính khách quan cao thông qua sự đa dạng về lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp và vị trí công việc của các cá nhân đại diện doanh nghiệp tham gia thực hiện khảo sát.

2.2.2. Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm

Việc tìm hiểu đánh giá của nhà tuyển dụng về vai trò của nguồn nhân sự được đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm là cơ sở quan trọng để Trường tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhu cầu học tập của người học. Kết quả cụ thể như sau:

Biểu đồ 2. Đánh giá về tầm quan trọng của nguồn nhân lực có trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm

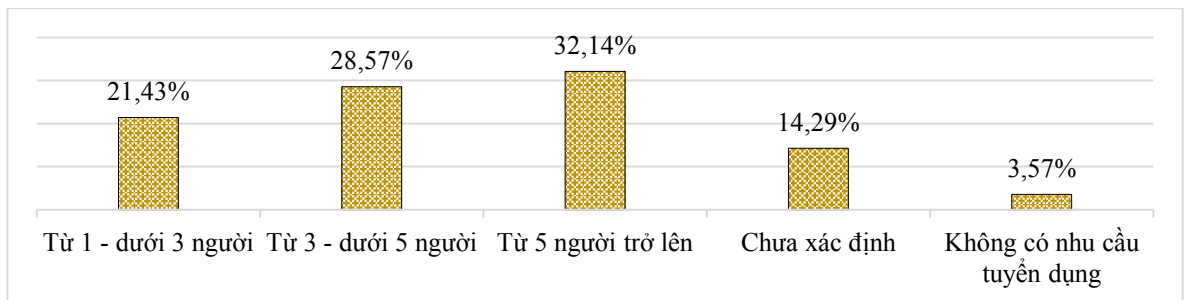


Kết quả biểu đồ 2 thể hiện các đơn vị sử dụng lao động đánh giá rất cao vai trò của nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm. Cụ thể, có tới **64.29%** đơn vị lựa chọn mức độ “*hoàn toàn quan trọng*”, **32.14%** đơn vị lựa chọn mức độ “*quan trọng*”, chỉ có **3.57%** đơn vị đánh giá “*quan trọng một phần*” và không có đơn vị nào đánh giá ở mức độ “*không quan trọng*” và “*hoàn toàn không quan trọng*”. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của nguồn nhân lực được đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, đặc biệt là trong thời kỳ Việt Nam đang thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2.2.3. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng nhân sự có trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm của các đơn vị sử dụng lao động

Để tìm hiểu về nhu cầu của thị trường lao động về nguồn nhân lực được đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, Trường đã thực hiện khảo sát các đơn vị sử dụng lao động về nhu cầu tuyển dụng cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm. Kết quả được thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 3. Nhu cầu tuyển dụng cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm của các đơn vị sử dụng lao động



Kết quả khảo sát cho thấy, hơn 80% đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát có nhu cầu tuyển dụng lao động trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là đơn vị có nhu cầu tuyển dụng “*từ 5 người trở lên*” với **32.14%**, tiếp theo là nhu cầu “*từ 3 – dưới 5 người*” với **28.57%** và nhu cầu “*từ 1 – dưới 3 người*” với **21.43%**. Ngoài ra, một số đơn vị “*chưa xác định*” số lượng nhân sự cần tuyển với **14.29%** và chiếm tỷ lệ thấp nhất là các đơn vị “*không có nhu cầu tuyển dụng*” với **3.57%**. Như vậy, việc tổ chức đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm là thực sự cần thiết, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

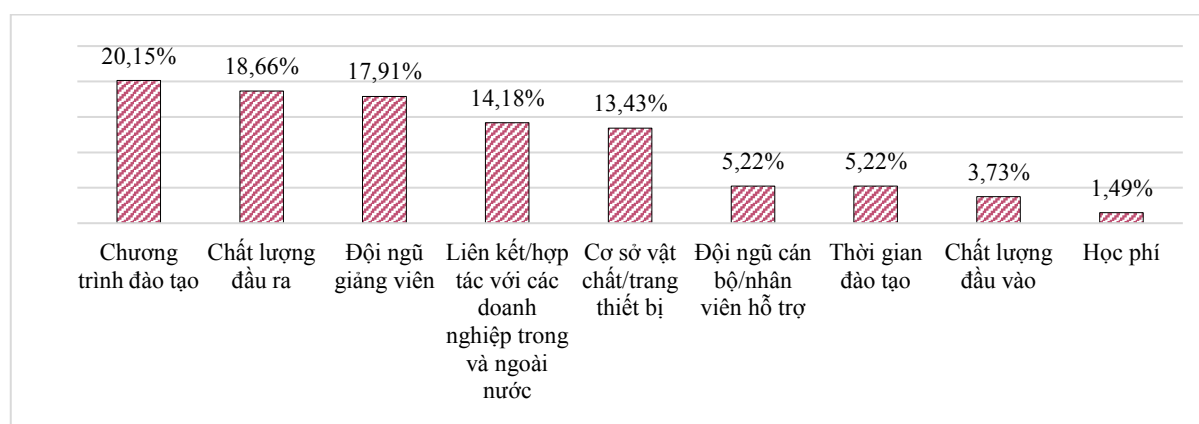
2.2.4. Kết quả khảo sát về các điều kiện tổ chức đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm

Trường đã tiến hành khảo sát các đơn vị sử dụng lao động về những yếu tố cần chú trọng trong đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm, qua đó làm cơ sở để triển khai công tác đào tạo ngành này đạt hiệu quả. Đây là câu hỏi mà đối tượng khảo sát được lựa chọn nhiều yếu tố và kết quả được ghi nhận như sau:

Bảng 2. Đánh giá về các yếu tố cần chú trọng trong việc tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
1	Chương trình đào tạo	27	20.15%
2	Chất lượng đầu ra	25	18.66%
3	Đội ngũ giảng viên	24	17.91%
4	Liên kết/hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước	19	14.18%
5	Cơ sở vật chất/trang thiết bị	18	13.43%
6	Đội ngũ cán bộ/nhân viên hỗ trợ	7	5.22%
7	Thời gian đào tạo	7	5.22%
8	Chất lượng đầu vào	5	3.73%
9	Học phí	2	1.49%
Tổng		134	100%

Biểu đồ 4. Đánh giá về các yếu tố cần chú trọng khi tổ chức đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm



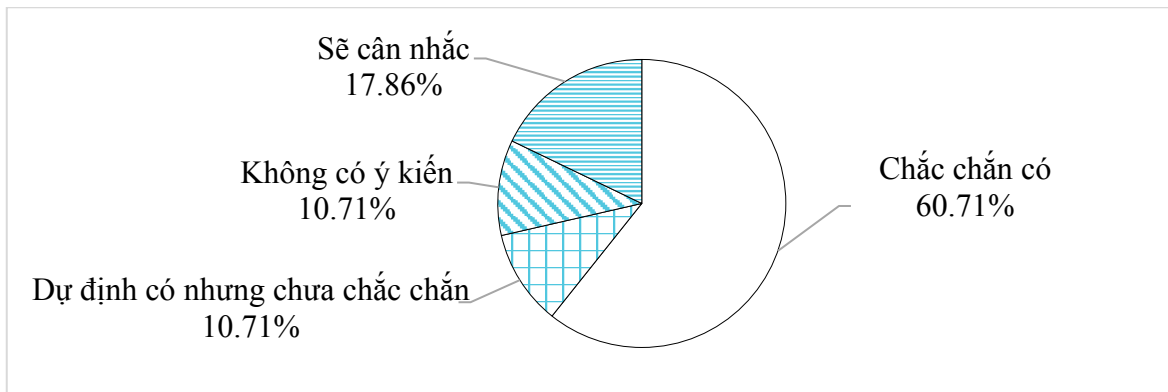
Dựa theo biểu đồ 4 cho thấy, Trường cần chú trọng nhiều yếu tố để tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học đạt hiệu quả cao và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Trong đó, “*Chương trình đào tạo*” là yếu tố được các đơn vị sử dụng lao động đánh

giá căn tập trung đầu tư nhiều nhất với tỷ lệ **20.15%**, kế tiếp là “*Chất lượng đầu ra*” với **18.66%**, “*Đội ngũ giảng viên*” với **17.91%**, “*Liên kết/hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước*” với **14.18%**, “*Cơ sở vật chất/trang thiết bị*” với **13.43%**, ngoài ra các yếu tố còn lại như thời gian đào tạo, chất lượng đầu vào, học phí chiếm tỷ lệ ít hơn và dao động từ **5.22%** đến **1.49%**. Đây là một trong những cơ sở quan trọng giúp Trường có những định hướng phù hợp trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học trong thời gian tới.

2.2.5. Kết quả khảo sát về khả năng lựa chọn/giới thiệu cho người thân tham gia học tập trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm tại UEF

Trường đã khảo sát sự quan tâm của các bên liên quan đối với CTĐT cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm tại UEF trong thời gian tới thông qua khả năng lựa chọn/giới thiệu người thân tham gia học tập tại UEF. Kết quả được thể hiện qua sơ đồ sau:

Biểu đồ 5. Khả năng lựa chọn/giới thiệu người thân tham gia học tập trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm tại UEF



Kết quả khảo sát cho thấy, đa số đơn vị sử dụng lao động lựa chọn nội dung “*Chắc chắn có*” (**60.71%**) và “*Dự định có nhưng chưa chắc chắn*” (**10.71%**) khi xem xét lựa chọn/giới thiệu người thân tham gia học tập trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm tại UEF, ngoài ra có **17.86%** đơn vị sử dụng lao động lựa chọn nội dung “*Sẽ cân nhắc*” về việc này. Qua đó khẳng định vị thế của UEF trong hệ thống cơ sở giáo dục và uy tín của Trường đối với các đơn vị sử dụng lao động, đây là tín hiệu tốt để Trường triển khai đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm nói riêng và phát triển đào tạo các ngành nghề nói chung.

2.2.6. Kết quả khảo sát những yêu cầu cần đạt về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

Nhà tuyển dụng là người trực tiếp sử dụng người lao động, do đó Trường khảo sát nhà tuyển dụng về các kiến thức mà người học trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm cần có sau khi tốt nghiệp để làm cơ sở xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng các yêu cầu công việc thực tiễn tại doanh nghiệp. Đây là câu hỏi mà đối tượng khảo sát được chọn nhiều yếu tố và kết quả được ghi nhận như sau:

Bảng 3. Các yêu cầu cần đạt về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
1	Kiến thức nền tảng về lập trình, kiến thức tổng quát về CNTT	27	15.98%
2	Kiến thức về công cụ và môi trường phát triển phần mềm	27	15.98%
3	Kiến thức về cơ sở dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu	25	14.79%
4	Kiến thức về cấu trúc dữ liệu và giải thuật	23	13.61%
5	Kiến thức về quy trình và từng giai đoạn cụ thể trong vòng đời phát triển phần mềm	23	13.61%
6	Các công nghệ hiện đại và nâng cao trong phát triển phần mềm	23	13.61%
7	Kiến thức về kiến trúc máy tính, hệ điều hành và mạng máy tính	21	12.43%
Tổng		169	100%

Căn cứ vào số liệu ở bảng 3 cho thấy, nhà tuyển dụng đã xác định cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cần trau dồi nhiều kiến thức khác nhau liên quan ngành. Trong đó, “*Kiến thức nền tảng về lập trình, kiến thức tổng quát về CNTT*” và “*Kiến thức về công cụ và môi trường phát triển phần mềm*” cùng được lựa chọn nhiều nhất với **15.98%**, tiếp đến là “*Kiến thức về cơ sở dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu*” với **14.79%** và được lựa chọn ít nhất là yếu tố “*Kiến thức về kiến trúc máy tính, hệ điều hành và mạng máy tính*” với **12.43%**. Đây là cơ sở để Trường tham khảo khi xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Ngoài ra, nhà tuyển dụng còn đưa ra một số kiến thức khác cần có đối với cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm như: *sử dụng, khai thác AI để tăng năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian, kiến thức về pháp luật sở hữu trí tuệ và bản quyền,...*

2.2.7. Kết quả khảo sát những yêu cầu cần đạt về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

Để làm việc trong môi trường thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động đòi hỏi cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cần có các kỹ năng cần thiết. Do đó, Trường khảo sát nhà tuyển dụng những yêu cầu về kỹ năng. Đây là câu hỏi mà đối tượng khảo sát được chọn nhiều yếu tố và kết quả được ghi nhận như sau:

Bảng 4. Các yêu cầu cần đạt về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
1	Kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng một hệ thống phần mềm/CNTT	25	21.14%
2	Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thực tiễn	26	21.14%
3	Kỹ năng giao tiếp, giao tiếp bằng tiếng Anh và làm việc trong môi trường toàn cầu	24	20.33%

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
4	Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề	26	19.51%
5	Kỹ năng tư vấn giải pháp công nghệ, quản lý dự án phần mềm/CNTT ở các ngành, cơ quan, doanh nghiệp và trường học	22	17.89%
Tổng		123	100%

Kết quả khảo sát cho thấy, cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cần có nhiều kỹ năng để phù hợp trong môi trường làm việc thực tế. Trong đó, “*Kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng một hệ thống phần mềm/CNTT*” và “*Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thực tiễn*” cùng được nhà tuyển dụng lựa chọn nhiều nhất với **21.14%**, kế tiếp là “*Kỹ năng giao tiếp, giao tiếp bằng tiếng Anh và làm việc trong môi trường toàn cầu*” với **20.33%**, “*Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề*” với **19.51%** và chiếm tỷ lệ thấp nhất là “*Kỹ năng tư vấn giải pháp công nghệ, quản lý dự án phần mềm/CNTT ở các ngành, cơ quan, doanh nghiệp và trường học*” với **17.89%**.

Bên cạnh đó, đại diện các nhà tuyển dụng còn cho rằng cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cần có thêm kỹ năng *diễn đạt bằng lời nói, kỹ năng giao tiếp qua email/công cụ chat,...* để đáp ứng yêu cầu của công việc tại đơn vị sau này.

Nhìn chung, các kỹ năng đều được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá khá đồng đều, đây là các vấn đề Trường cần lưu ý khi xây dựng chương trình đào tạo.

2.2.8. Kết quả khảo sát những yêu cầu cần đạt về mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

Nhằm tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng đối với mức tự chủ và trách nhiệm của cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm, Trường đã thực hiện khảo sát vấn đề này thông qua câu hỏi được chọn nhiều yếu tố và có kết quả như sau:

Bảng 5. Các yêu cầu cần đạt về mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	26	22.81%
2	Có khả năng đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	26	22.81%
3	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể	23	20.18%
4	Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về CNTT ứng dụng	22	19.30%

STT	Nội dung	Số lượt chọn	Tỷ lệ
5	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	17	14.91%
Tổng		114	100%

Kết quả khảo sát cho thấy, ngoài các kiến thức và kỹ năng cần có, người học trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm cần đáp ứng những yêu cầu về mức độ tự chủ về trách nhiệm để hoàn thành tốt công việc được giao. Trong đó, “*Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm*” và “*Có khả năng đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao*” là hai nội dung được nhà tuyển dụng lựa chọn nhiều nhất với **22.81%** và “*Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định*” được lựa chọn ít nhất với **14.91%**. Như vậy, cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm cần có thái độ làm việc nhóm tốt, trách nhiệm cao và khả năng phân tích, sáng tạo trong quá trình làm việc. Đây là cơ sở quan trọng để Trường xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

2.2.9. Những ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng đối với việc đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm tại UEF

Trường thu thập thêm các ý kiến, đóng góp khác từ nhà tuyển dụng nhằm hoàn thiện chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, kết quả thu được cụ thể như sau:

- Ngành Kỹ thuật phần mềm rất quan trọng, rất cần cho sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai và trong tương lai sẽ cần nguồn nhân lực nhiều hơn;
- Cần chú trọng cải thiện trình độ ngoại ngữ cho sinh viên;
- Cần chú trọng chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;
- Chú trọng tuyển chọn những giảng viên giỏi, có kinh nghiệm thực tế và tâm huyết.

3. Kết luận

- Việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học là rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.
- Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM có đủ các nguồn lực và điều kiện để mở ngành và tổ chức đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học.
- Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cần nghiên cứu kết quả khảo sát, tiếp thu ý kiến đóng góp từ các đối tượng khảo sát để hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học.

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân Kỹ thuật phần mềm có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, có năng lực xây dựng và phát triển các ứng dụng phần mềm trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội.

Đào tạo cử nhân kỹ thuật phần mềm với vốn kiến thức cơ bản và chuyên môn sâu với định hướng năng lực thực hành tốt; có khả năng thích nghi với sự biến động của nền kinh tế thị trường và hội nhập vào nền công nghệ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới; có một trình độ vững chắc để có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

Cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm (KTPM) được đào tạo trên cả 3 phương diện: Kiến thức – Kỹ năng – Mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể như sau:

Về kiến thức:

- **PO1:** Nắm vững và có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất;
- **PO2:** Có kiến thức lý thuyết cơ bản và chuyên sâu của ngành kỹ thuật phần mềm để thích ứng tốt với những công việc khác nhau như nghiên cứu lý thuyết, đưa ra ý tưởng xây dựng mô hình, thiết kế kỹ thuật và phát triển giải pháp phần mềm công nghệ, tư vấn, quản lý và sản xuất đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong lĩnh vực của ngành KTPM;.

Về kỹ năng:

- **PO3:** Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, khả năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thực tiễn;
- **PO4:** Có kỹ năng phân tích, thiết kế, xây dựng một hệ thống phần mềm hoặc tư vấn giải pháp phần mềm, giải pháp công nghệ thông tin, quản lý dự án phần mềm, dự án CNTT ở các ngành, cơ quan, doanh nghiệp và trường học;
- **PO5:** Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

Về mức tự chủ và trách nhiệm:

- **PO6:** Có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp; có sức khỏe tốt;
- **PO7:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách với xã hội, cộng đồng.

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

- *Về Kiến thức:*

- **PLO1:** Nắm vững và vận dụng kiến thức cơ bản về nền tảng toán học, lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về an ninh quốc phòng; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;

- PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lập trình phần mềm, phân tích - thiết kế hệ thống phần mềm để thích ứng tốt với những công việc khác nhau như nghiên cứu lý thuyết, đưa ra ý tưởng xây dựng mô hình, thiết kế kỹ thuật và phát triển giải pháp ứng dụng, tư vấn, quản lý, nghiên cứu chuyên sâu, dễ dàng tiếp cận các công nghệ mới trong lĩnh vực;
 - PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu ngành kỹ thuật phần mềm phục vụ cho công việc theo từng chuyên ngành: vận dụng các kiến thức về kiểm thử phần mềm để đảm bảo chất lượng của phần mềm; vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phát triển các ứng dụng đa nền tảng, ứng dụng web, ứng dụng game.
- *Về Kỹ năng:*
- PLO4: Có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm (đa ngành). Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại;
 - PLO5: Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật phần mềm như: phát triển hệ thống kiểm thử phần mềm, phát triển ứng dụng đa nền tảng, web nâng cao, ứng dụng game;
 - PLO6: Có kỹ năng phản biện, tư duy phê bình, đánh giá chất lượng công việc. Có khả năng thử nghiệm, nghiên cứu, khám phá tri thức và đưa ra giải pháp sáng tạo;
 - PLO7: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc.
- *Về mức tự chủ và trách nhiệm:*
- PLO8: Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị;
 - PLO9: Có khả năng hướng dẫn, giám sát, tham gia cài đặt, triển khai các hệ thống, sản phẩm và giải pháp phần mềm theo từng chuyên ngành;
 - PLO10: Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn, có thể bảo vệ quan điểm cá nhân và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 6. Chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Nắm vững và vận dụng kiến thức cơ bản về nền tảng toán học, lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, hiểu biết về an ninh quốc phòng; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất	K2	3.0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lập trình phần mềm, phân tích - thiết kế hệ thống phần mềm để thích ứng tốt với những công việc khác nhau như nghiên cứu lý thuyết, đưa ra ý tưởng xây dựng mô hình, thiết kế kỹ thuật và phát triển giải pháp ứng dụng, tư vấn, quản lý, nghiên cứu chuyên sâu, dễ dàng tiếp cận các công nghệ mới trong lĩnh vực	K1, K5	4.0
PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu ngành kỹ thuật phần mềm phục vụ cho công việc theo từng chuyên ngành: vận dụng các kiến thức về kiểm thử phần mềm để đảm bảo chất lượng của phần mềm; vận dụng các kiến thức chuyên sâu về phát triển các ứng dụng đa nền tảng, ứng dụng web, ứng dụng game	K1, K3, K4,	4.0
PLO4: Có kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc theo nhóm (đa ngành). Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại	S5	4.0
PLO5: Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực kỹ thuật phần mềm như: phát triển hệ thống kiểm thử phần mềm, phát triển ứng dụng đa nền tảng, web nâng cao, ứng dụng game	S1	4.0
PLO6: Có kỹ năng phản biện, tư duy phê bình, đánh giá chất lượng công việc. Có khả năng thử nghiệm, nghiên cứu, khám phá tri thức và đưa ra giải pháp sáng tạo	S3, S4	5.0
PLO7: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc	S6	4.0
PLO8: Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị	C1	4.0
PLO9: Có khả năng hướng dẫn, giám sát, tham gia cài đặt, triển khai các hệ thống, sản phẩm và giải pháp phần mềm theo từng chuyên ngành	C2	4.0
PLO10: Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên	C3, C4	5.0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
môn, có thể bảo vệ quan điểm cá nhân và cải thiện hiệu quả các hoạt động		

Danh mục các chuẩn đối sánh

(1) Thang đo nhận thức Bloom

Bảng 7. Thang đo nhận thức Bloom

Mức nhận thức		Động từ
06	Sáng tạo	Thiết kế, lắp ráp, xây dựng, phỏng đoán, phát triển, điều tra, ..
05	Đánh giá	Đánh giá, tranh luận, xác định, lựa chọn, hỗ trợ, phê bình, cân nhắc,
04	Phân tích	Phân biệt, tổ chức, liên hệ, so sánh, đối chiếu, kiểm tra, thử nghiệm, đặt câu hỏi, ...
03	Áp dụng	Thực hiện, giải quyết, sử dụng, chứng minh, diễn giải, vận hành, lên lịch, phác thảo,...
02	Hiểu	Phân loại, mô tả, thảo luận, giải thích, xác định, báo cáo, nhận biết, lựa chọn,..
01	Ghi nhớ	Định nghĩa, sao chép, liệt kê, ghi nhớ, lặp lại,...

(2) Khung TDQG – Khung trình độ quốc gia – bậc 2 (*trích Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ*)

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
- K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

- S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

- S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

- C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 8. Ma trận mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra chương trình - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	X			X				X		
PO2		X	X	X	X	X	X		X	X
PO3				X		X	X			X
PO4		X	X		X	X	X		X	
PO5				X	X	X			X	X
PO6	X							X		
PO7	X	X	X					X		

1.3. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.3.1. Cơ hội việc làm:

Người học tốt nghiệp ngành Kỹ thuật phần mềm có thể đảm nhận các vị trí sau:

- Chuyên viên phát triển phần mềm: phân tích, thiết kế, lập trình kiểm thử và triển khai phần mềm.
- Chuyên viên phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu.
- Quản trị dự án phần mềm.
- Chuyên viên kiểm thử phần mềm, chuyên viên đảm bảo chất lượng dự án phần mềm

- Có thể làm việc tại các cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, các công ty với vai trò là người tư vấn, thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, các hệ thống phần mềm, các hệ thống công nghệ thông tin.
- Có thể khởi nghiệp các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Có thể làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các viện và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

1.3.2. Cơ hội học tập

Liên thông trong với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.4. Tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng nhóm ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UEF, ngày / /2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1. Quy chế đào tạo

Chương trình giáo dục đại học ngành kỹ thuật phần mềm được tổ chức theo các văn bản sau:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;
- Quyết định số 215/QĐ-UEF ngày 28 tháng 05 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học (áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 trở về sau) và các văn bản quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 131 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT), Quy chế đào tạo trình độ đại học và các quy định hiện hành của UEF.

Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa 8 năm. Mỗi năm học có 02 học kỳ

chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè), mỗi học kỳ chính được phân thành 02 đợt, mỗi đợt có 8 tuần học, một tuần dự trữ và 1 tuần thi.

Theo lộ trình được thiết kế một số học phần đặc biệt được bố trí theo định hướng sau:

- Giảng dạy Tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 04 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3, HK4; từ HK4 trở đi, người học bắt đầu tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng Tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành;

- Giảng dạy kỹ năng: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo;

- Giảng dạy chuyên môn: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các môn nhập môn, môn cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề,... Trong năm 3, SV sẽ chọn một trong hai hướng chuyên ngành để học. Ở học kỳ cuối, sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp (toàn thời gian tại đơn vị thực tập tối thiểu 12 tuần) và thực hiện chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp.

- Để tiếp thu được một tiết lý thuyết học trên lớp, sinh viên phải cần từ 2 đến 3 tiết chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu ở nhà, một tiết học thực hành hoặc bài tập trên lớp cần từ 1 đến 2 tiết chuẩn bị ở nhà.

- Trong quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên phải chấp hành đúng những nội quy, quy định của nhà trường; phải tham gia học tập, nghiên cứu, tham dự đầy đủ các buổi làm bài tập thực hành, thực tập, kiểm tra giữa kỳ, thi hết môn học để tích lũy đủ khối lượng kiến thức cần thiết.

- Cuối khóa học, những sinh viên hội đủ tất cả các điều kiện theo quy định của Nhà trường sẽ được xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

1.5.3. Điều kiện tốt nghiệp, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

(Trích Điều 37, Điều 38 Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b. Tích lũy đủ các học phần quy định của chương trình đào tạo;

c. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; riêng điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp đạt từ điểm C trở lên.

d. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

e. Có chứng chỉ khác đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Trường;

f. Thanh toán đầy đủ các khoản quy định của Trường;

g. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Đối với sinh viên đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai theo hình thức đào tạo song bằng hoặc song ngành, khi hoàn thành chương trình sẽ được Nhà trường xét công nhận tốt nghiệp ngành thứ hai hoặc chứng nhận hoàn thành chương trình song ngành cùng lúc hoặc sau chương trình đào tạo thứ nhất theo quy định.

3. Sau mỗi đợt học của học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa quản lý ngành, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Chánh Văn phòng.

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp, công nhận hoàn thành chương trình song ngành cho những sinh viên đủ điều kiện.

Cấp bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng tốt nghiệp và chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa như sau:

a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b. Loại giỏi: Điểm trung bình tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c. Loại khá: Điểm trung bình tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d. Loại trung bình: Điểm trung bình tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

3. Đối với những sinh viên có điểm trung bình tích lũy toàn khóa loại xuất sắc và giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.

b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

5. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 37 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

6. Sinh viên được cấp phụ lục văn bằng tốt nghiệp cùng với bằng tốt nghiệp theo quy định của Trường.

7. Đối với sinh viên hoàn thành chương trình song ngành sẽ được Trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình song ngành và bảng điểm theo quy định của Trường.

8. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

9. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

1.6. Đánh giá

1.6.1. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá được nêu cụ thể trong đề cương chi tiết của các môn học. (Trích Điều 22. Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Sinh viên được đánh giá qua 3 điểm thành phần như sau:

a. *Điểm quá trình* có trọng số 30%, bao gồm:

- Điểm chuyên cần: Trọng số 10%, nếu sinh viên vắng quá 03 buổi kể cả nghỉ có phép, thì điểm chuyên cần bằng 0;

- Điểm tham gia các hoạt động tại lớp hoặc ngoài lớp, trong các buổi thảo luận (seminar), điểm bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm (trên lớp hoặc về nhà), điểm của các hình thức đánh giá khác: Trọng số 20%;

b. *Điểm giữa kỳ của học phần* có trọng số 20%, bao gồm các hình thức bài kiểm tra trên lớp lý thuyết, thực hành, vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập lớn...;

c. *Điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối kỳ)* có trọng số 50%: Sinh viên phải tham gia kỳ thi kết thúc học phần theo lịch thi chung của Nhà trường. Nếu sinh viên bỏ thi kết thúc học phần không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm F và phải học lại học phần đó.

Các trường hợp đặc biệt khác với quy định trên sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

2. Đối với học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm của học phần thực hành là điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm các điểm thành phần, riêng việc chấm thi kết thúc học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

4. Các điểm thành phần bao gồm điểm quá trình và điểm giữa kỳ phải được lưu giữ minh chứng tại đơn vị quản lý học phần.

5. Các điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.6.2. Thang điểm

(Trích Điều 23. Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

1. Điểm học phần theo thang điểm 10 được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ, tương ứng với thang điểm 4. Điểm học phần bao gồm:

a. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	từ 8,5 đến 10	A	4,0
	từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
	từ 5,5 đến 6,9	C	2,0
	từ 4,0 đến 5,4	D	1,0

Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm D trở lên. Tuy nhiên, điểm D là điểm đạt có điều kiện. Sinh viên nên học cải thiện điểm D để đảm bảo điều kiện về điểm trung bình tích lũy qua các năm học.

b. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

c. Loại không đạt:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Không đạt	từ 0 đến 3,9	F	0

Thang điểm 4 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xử lý kết quả học tập, xếp loại học lực, xét điều kiện tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp cho sinh viên.

1.7. Khối lượng kiến thức và nội dung chương trình

1.7.1. Khối lượng kiến thức

Chương trình đào tạo Đại học ngành Kỹ thuật phần mềm được thiết kế với khối lượng kiến thức cho toàn khóa học là 131 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 131 tín chỉ, khối lượng kiến thức không tích lũy 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết). Trong đó:

STT	Khối kiến thức	Khối lượng kiến thức			
		Số TC	Bắt buộc	Tự chọn	Tỷ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	47	47		35,9%
1.1	<i>Khoa học tự nhiên – xã hội</i>	6	6	-	
1.2	<i>Lý luận chính trị</i>	11	11	-	
1.3	<i>Pháp luật</i>	3	3	-	
1.4	<i>Tin học</i>	3	3	-	
1.5	<i>Ngoại ngữ (tiếng Anh)</i>	24	24	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	13,7%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	34,4%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,2%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	6,9%
6	Kiến thức không tích lũy				
6.1	<i>Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)</i>			x	
6.2	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh (165 tiết)</i>		x		
	Tổng cộng	131	104 (80%)	27 (20%)	

1.7.2. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1. Kiến thức giáo dục đại cương						47						
1.1 Khoa học tự nhiên						6						
1.1.1	MAT1103	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	BB		3	3					
1.1.2	STA1101	Xác suất thống kê	Principles of Probabilities and Statistics	BB		3	3				MAT1103	
1.2 Khoa học chính trị						11						
1.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3					
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2					
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2					
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2					
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2					
1.3 Pháp luật						3						
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	BB		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
1.4 Tin học						3						
1.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	BB		3	2	1				
1.5 Ngoại ngữ						24						
1.5.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	BB		4	4					
1.5.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	BB		4	4					
1.5.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	BB		4	4					
1.5.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	BB		4	4					
1.5.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	English 5	BB		4	4					
1.5.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	English 6	BB		4	4					
2. Kiến thức cơ sở ngành						18						
2.1	ITE1203	Nhập môn lập trình	Introduction to Programming	BB		3	2	1				
2.2	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	Advanced Computer Programming	BB		3	2	1			ITE1203	
2.3	SWE1101	Cấu trúc rời rạc	Discrete Structure	BB		3	3				ITE1205	
2.4	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	BB		3	2	1			ITE1205	
2.5	SWE1202	Quản trị dữ liệu	Data Management	BB		3	2	1				
2.6	SWE1203	Phương pháp lập trình	Programming Methodology	BB		3	2	1			ITE1205	
3. Kiến thức chuyên ngành						45						

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
3.1	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence	BB		3	3				SWE1101	
3.2	SWE1204E	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	Computer Networks and Information Security	BB	E	3	2	1				
3.3	SWE1205E	Lập trình ứng dụng	Application Programming	BB	E	3	2	1			SWE1203	
3.4	SWE1206E	Nhập môn kỹ thuật phần mềm	Introduction to Software Engineering	BB	E	3	3					
3.5	SWE1107E	Phân tích và thiết kế phần mềm	Software Analysis and Design	BB		3	3				SWE1202	
3.6	SWE1208E	Lập trình Front-End	Front-End Programming	BB	E	3	2	1			ITE1205	
3.7	ITE1219E	Công nghệ Java	Java Technology	BB	E	3	2	1			SWE1202	
3.8	SWE1209E	Phát triển ứng dụng Full-Stack	Full-Stack Application Development		E	3	2	1			SWE1208E	
3.9	SWE1210E	Công cụ phát triển ứng dụng	Application Development Tools	BB	E	3	2	1			SWE1206E	
3.10	SWE1321	Kiến tập ngành kỹ thuật phần mềm	Internship	BB		1				1	SWE1206E	

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
3.11	SWE1422	Đồ án kỹ thuật phần mềm	Software Engineering Project	BB		2			2		SWE1206E	
		Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành sau:				15						
Chuyên ngành 1:		Kiểm thử phần mềm	Software Testing									
3.12.1.1	SWE1111E	Đảm bảo chất lượng phần mềm	Software Quality Assurance	TC	E	3	3				SWE1206E	
3.12.1.2	SWE1212E	Kiểm thử phần mềm	Software Testing	TC	E	3	2	1			SWE1206E	
3.12.1.3	SWE1213E	Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động	Automated Testing Tools and Techniques	TC	E	3	2	1			SWE1206E	
3.12.1.4	SWE1114E	Quản lý dự án kiểm thử	Software Testing Project Management	TC	E	3	3				SWE1206E	
3.12.1.5	SWE1415	Đồ án chuyên ngành kiểm thử phần mềm	Software Testing Specialization Project	TC		3			3		SWE1422	
Chuyên ngành 2:		Phát triển ứng dụng	Application Development									
3.12.2.1	SWE1216E	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	Cross-Platform Application Development	TC	E	3	2	1			SWE1209E	

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
3.12.2.2	ITE1166E	Phát triển Game	Game Development	TC	E	3	2	1			SWE1205E	
3.12.2.3	SWE1218E	Phát triển ứng dụng Web nâng cao	Advanced Web Application Development	TC	E	3	2	1			SWE1209E	
3.12.2.4	SWE1219E	DevOps	Development and Operations (DevOps)	TC	E	3	2	1			SWE1206E	
3.12.2.5	SWE1420	Đồ án chuyên ngành phát triển ứng dụng	Application Development Specialization Project	TC		3			3		SWE1422	
4. Kiến thức bổ trợ						12						
4.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	BB		3	3					
4.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	BB		3	3				SKI1107	
		Sinh viên chọn 2 trong các học phần sau:				6						
4.3	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3					
4.4	ECO1108	Địa lý kinh tế thế giới	World Economics Geography	TC		3	3					
4.5	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Japanese Ethnology	TC		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
4.6	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3					
4.7	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Profile of China	TC		3	3					
4.8	SOS1108	Văn hoá các nước Đông Nam Á	Cultures of Southeast Asia countries	TC		3	3					
4.9	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3					
4.10	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3					
4.11	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3					
4.12	LAW1111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3					
4.13	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3					
4.14	HRM1111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3					
4.15	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Data Analytics in Applications	TC		3	3					
4.16	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3					
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh	Professional Personal Image Development	TC		3	3					

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
		cá nhân chuyên nghiệp										
4.18	ADS1101	Thuyết trình sáng tạo	Creative Presentation	TC		3	3					
5. Thực tập thực tế						9						
5.1	SWE1323	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	BB		3				3	SWE1206E	
		Sinh viên tự chọn 1 hoặc 2 học phần với 6 tín chỉ:										
5.2.1	SWE1424	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	TC		6			6			
5.2.2	SWE1425	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	TC		6			6			
6. Kiến thức không tích lũy												
6.1. Giáo dục thể chất						3						
		Sinh viên chọn 1 trong 5 nhóm sau:										
Nhóm 1												
6.1.1.1	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	TC		1		1				
6.1.1.2	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	TC		1		1				
6.1.1.3	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	TC		1		1				

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
Nhóm 2												
6.1.2.1	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	TC		1		1				
6.1.2.2	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	TC		1		1				
6.1.2.3	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	TC		1		1				
Nhóm 3												
6.1.3.1	GYM1331	GDTC - Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	TC		1		1				
6.1.3.2	GYM1332	GDTC - Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	TC		1		1				
6.1.3.3	GYM1333	GDTC - Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	TC		1		1				
Nhóm 4												
6.1.4.1	GYM1341	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	TC		1		1				
6.1.4.2	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	TC		1		1				

STT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP	Ngôn ngữ	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH	ĐA	TT		
6.1.4.3	GYM1343	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	TC		1		1				
Nhóm 5												
6.1.5.1	GYM1351	GDTC - Dance Sport 1	Physical Education 1 (Dance Sport)	TC		1		1				
6.1.5.2	GYM1352	GDTC - Dance Sport 2	Physical Education 2 (Dance Sport)	TC		1		1				
6.1.5.3	GYM1353	GDTC - Dance Sport 3	Physical Education 3 (Dance Sport)	TC		1		1				
6.2. Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)												
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education	BB								
Tổng khối lượng kiến thức						131						

Ghi chú: Mã MH ký hiệu xxxxxxE – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.

2. Kế hoạch đào tạo phân theo từng học kỳ (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4								
2	ITE1203	Nhập môn lập trình	3								

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
3	ENG2102	Tiếng Anh 2	4								
4	ITE1201	Tin học đại cương	3								
5	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	3								ITE1203
Cộng:			17								
6	ENG2103	Tiếng Anh 3		4							
7	SKI1107	Project design 1		3							
8	ENG2104	Tiếng Anh 4		4							
9	LAW1101	Pháp luật đại cương		3							
10	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3							ITE1205
Cộng:				17							
11	ENG2105	Tiếng Anh 5			4						
12	MAT1103	Toán cao cấp			3						
13	SWE1101	Cấu trúc rời rạc			3						ITE1205
14	ENG2106	Tiếng Anh 6			4						
15	SWE1203	Phương pháp lập trình			3						ITE1205
16	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/			1						

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
		Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1									
Cộng:					18						
17	SKI1108	Project design 2				3					SKI1107
18	SWE1202	Quản trị dữ liệu				3					
19	MAT1104	Xác suất thống kê				3					MAT1103
20	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2				1					
21	SWE1204E	Mạng máy tính và Bảo mật thông tin				3					
22	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo				3					SWE1101
23	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3				1					
Cộng:						17					

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
24	POL1111	Triết học Mác – Lênin					3				
25	SWE1205E	Lập trình ứng dụng					3				SWE1203
26	SWE1206E	Nhập môn kỹ thuật phần mềm					3				
27	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin					2				
28	SWE1107E	Phân tích và thiết kế phần mềm					3				SWE1202
29	SWE1208E	Lập trình Front-End					3				ITE1205
30	SWE1321	Kiến tập ngành Kỹ thuật phần mềm					1				SWE1206E
Cộng:							18				
31	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học						2			
32	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh						2			
33	SWE1209E	Phát triển ứng dụng Full-Stack						3			SWE1208E
34	SWE1422	Đồ án kỹ thuật phần mềm						2			SWE1206E
35	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam						2			
36	ITE1219E	Công nghệ Java						3			SWE1202
		Học phần tự chọn 1						3			

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
Cộng:								17			
37	SWE1210E	Công cụ phát triển ứng dụng							3		SWE1206E
38		Học phần tự chọn 2							3		
	Chuyên ngành Kiểm thử phần mềm										
39	SWE1111E	Đảm bảo chất lượng phần mềm							3		SWE1206E
40	SWE1212E	Kiểm thử phần mềm							3		SWE1206E
41	SWE1213E	Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động							3		SWE1206E
	SWE1415	Đồ án chuyên ngành kiểm thử phần mềm							3		SWE1422
	Chuyên ngành Phát triển ứng dụng										
42	SWE1216E	Phát triển ứng dụng đa nền tảng							3		SWE1209E
43	SWE1217E	Phát triển Game							3		SWE1205E
44	SWE1218E	Phát triển ứng dụng Web nâng cao							3		SWE1209E
	SWE1420	Đồ án chuyên ngành phát triển ứng dụng							3		SWE1422
Cộng:									18		

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
	Chuyên ngành Kiểm thử phần mềm										
45	SWE1114E	Quản lý dự án kiểm thử								3	SWE1206E
	Chuyên ngành Phát triển ứng dụng										
46	SWE1219E	DevOps								3	SWE1206E
47	SWE1323	Thực tập tốt nghiệp								3	
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:</i>											
48	SWE1424	Chuyên đề tốt nghiệp								6	
49	SWE1425	Khóa luận tốt nghiệp								6	
Cộng:										12	
Cộng:			17	17	18	17	18	17	18	12	

3. Kế hoạch tuyển sinh 05 năm đầu (dự kiến)

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Chỉ tiêu dự kiến	60	70	80	90	100

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. *Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu*

1.1. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình*

Nhà trường đã chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành trình độ đại học theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị đội ngũ Giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm. Đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo giảng dạy 90% chương trình đào tạo.

Bảng 8. Danh sách giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm (đính kèm)

Trong đó có 17 giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì đứng ngành đăng ký đào tạo, cụ thể:

- 02 Tiến sĩ đúng ngành
- 03 Tiến sĩ gần ngành
- 01 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp đáp ứng thành phần của chương trình đào tạo
- 11 Thạc sĩ đúng ngành

1.2. *Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo*

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng) tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm.

Nhà trường chuẩn bị đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đủ về số lượng và chất lượng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình trình độ thạc sĩ ngành Quan hệ công chúng.

Đội ngũ giảng viên ưu tú, được chọn lọc theo các chuẩn mực: tâm huyết, giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm thực tế, nhuần nhuyễn trong phương pháp, thân thiện và gần gũi với sinh viên.

Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng trong tất cả các môn học, giúp phát triển mạnh mẽ khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, đồng thời qua đó hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.

Giảng dạy theo hướng truyền đạt tinh hoa, nhấn mạnh phương pháp tương tác, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề cùng các kỹ thuật hỗ trợ như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, v.v... chính là những nét đặc trưng của các lớp học tại UEF.

Bảng 9. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành kỹ thuật phần mềm (đính kèm).

Bảng 10. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Kỹ thuật phần mềm (đính kèm).

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Bảng 11. Các chỉ tiêu phát triển nguồn lực giảng viên

Nội dung	2022-2023 (%)	2023-2024 (%)	2024-2025 (%)	2025-2026 (%)	2026-2027 (%)
Giáo sư	3	4	5	6	7
Phó Giáo sư	8	10	12	13	14
Tiến sĩ	22	23	25	28	30
Thạc sĩ	50	48	46	44	42
Cử nhân/ Kỹ sư	17	15	12	10	08

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành Kỹ thuật phần mềm

UEF luôn chú trọng đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với mô hình đào tạo chất lượng cao. Trong đó nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỉ lệ diện tích/sinh viên theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CB-GV-NV và sinh viên.

Về phòng học, giảng đường phục vụ đào tạo: Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho tất cả ngành, chuyên ngành đào tạo trong nhà trường, với tổng số phòng học, giảng đường gồm 290 phòng học, diện tích: 24.141,36 m²

Về phòng thí nghiệm, thực hành: Nhà trường phòng thí nghiệm và thực hành có đủ trang thiết bị cho sinh viên và học viên học tập và nghiên cứu với tổng diện tích 6.924,33 m²

Về mạng công nghệ thông tin: Toàn trường đã được nối mạng và xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như điều hành trường theo hệ thống mạng LAN nội bộ. Hệ điều hành quản lý trên Internet với đường truyền băng cáp quang tốc độ cao nhằm đảm bảo việc truy cập, truyền các dữ liệu đi hoặc về nhanh trong tiện lợi cho việc giảng dạy và học tập (toàn khuôn viên trường hiện nay có hệ thống truy cập wifi miễn phí được mở 24/24).

Cụ thể chi tiết:

Bảng 12. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	05	1.715,32	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	-	-			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	93	8.716,34	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	193	13.771,94	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	9	1.394,80	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian		19.193,81	Dùng chung	2 kỳ/năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	03	4.120,67	Dùng chung	2 kỳ/năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	24	8.997,98	Dùng chung	2 kỳ/năm	

3.1. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

UEF đã đầu tư cơ sở vật chất trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, đảm bảo về số lượng, chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành theo quy định.

Bảng 13. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1 PHÒNG STUDIO	Audio Mixer 12ch Multitrack Recorder Zoom Live Trak	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ SanDisk 64GB	2018	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ chia headphone Behringer Powerplay HA8000 V2	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy thu âm Zoom H4n Pro 4	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro thu âm Shure SM7B	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân micro thu âm Auray BAE-2X	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe phòng thu Audio-Technica ATH-M50x	2018	3	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	UPS Santak 2KVA	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ảnh Canon EOS 5D Mark IV DSLR	2018	3	Bộ		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Lens máy ảnh Canon EF24-105mm f/4 L IS USM II	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Lens máy ảnh canon EF16-35mm f/2.8L III USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Lens máy ảnh canon EF 70-200mm f/2.8L IS II USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Lens máy ảnh canon EF 50mm f/1.4 USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tripod Manfrotto MT055CXPRO3	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Pin Canon LP-E6N	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu đọc USB 3.0 SanDisk IMAGEMate all in one	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ổ cứng LaCie HDD 2TB	2018	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hệ thống đèn Dedolight SPS5E 5 Lighting Kit	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hệ thống đèn Kino Flo 4Bank 2-Light Kit	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn tu đặt thiết bị	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa Microlab FC530U	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ chống ẩm Nikatei NC-100S	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Phông xanh chụp hình	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro thu âm Saramonic SR-WM4C	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn trang điểm	2020	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gương soi đứng	2020	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ đựng thiết bị	2020	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy quay phim chuyên dụng Sony PXW-Z190V	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Pin dung lượng cao Sony BP-U70	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe thẩm âm Sony MDR-XB550AP	2021	43	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Tivi Sony KDL-43W800G	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ Sandisk 64GB 170m/s	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân máy quay Benro KH26	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Flash Godox V1	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Trigger Godox Xpro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hắt sáng tròn 2 in 1 (80cm) Godox	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đèn phòng chụp Godox MS300 Kit	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Trigger Godox AT-04	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Combo giá treo phòng di động có xích	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ghi âm Zoom H4Pro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone không dây Sennheiser 112P G4	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone phòng vắn + Đầu lọc Rode Shotgun Micro NTG4 Plus	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ máy tính dựng phim	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	2-5 sinh viên	
	Thanh trượt Dolly Dragon D10-120cm	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tay boom camera crane Dragon 01	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn hình 7inch Feel world T7	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Bảng Clapper Board	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy nhắc chữ 19.5 inch	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn trộn hình video Datavideo HS 1300	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Card Blackmagic Decklink 8K pro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hub USB type C Multimedia 6in1 Belkin F4U092BTSGY	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ loa kiểm âm phòng studio Yamaha HS8	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro đọc phát thanh + Đầu lọc Rode NT-USB	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ sạc pin AA Panasonic BQ-CC55	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Phòng vải 3m*10m	2021	4	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu ghi hình Datavideo Recorder HRS - 30	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ hệ thống liên lạc Datavideo Intercom System ITC - 100	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đèn led Studio Yongnuo YN600L II Pro	2021	3	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Bộ hộp kết nối thiết bị Mackie Big Knob Studio Plus	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đàm Kenwood TK-3307	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bảng Flipchart Up side down 600x1000	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa kiểm âm Yamaha HS8	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ống kính Sony FE 85mm F1.8 OSS	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone Rode NTG4 Plus	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone Rode Wireless GO II	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Kino 8 bóng Osram/Duluxl	2022	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân đèn flash Victory MD-280	2022	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Boom Microphone Boya BY-PB25 Carbon	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chụp hình Sony ILCE-7M4	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Lens Sony FE 24-105mm F4 G OSS	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Ống kính Sony FE 90mm F2.8 Macro G OSS	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ống kính Sony FE 85mm F1.8	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Pin Sony NP-FZ100	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ Sony 64GB - 170mb/s	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Box chụp hình sản phẩm có led Puluz 30cm	2023	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn xoay trưng bày TURNTABLE BKL 35cm	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giá treo tivi di động NORTH BAYOU AVA1500	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gimbal DJI RS3 combo	2023	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gimbal DJI Osmo Mobile 6	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu đọc LEXAR multi card 3in1 usb 3.1 reader	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro Sennheiser EM-555	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
2 PHÒNG	Bảng viết	2019	14	Bộ	1. Tin học đại cương 2. Nhập môn lập trình	2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
MÁY TINH	Bàn, ghế học viên	2019	588	Bộ	3. Kỹ thuật lập trình	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Bàn, ghế giáo viên	2019	14	Bộ	4. Cấu trúc rời rạc	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ampli	2019	14	Bộ	5. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro	2019	14	Bộ	6. Quản trị dữ liệu	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chiếu	2019	14	Cái	7. Phương pháp lập trình	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn chiếu	2019	14	Cái	8. Lập trình ứng dụng	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy vi tính	2019	602	Bộ	9. Kỹ thuật phần mềm	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Webcam	2022	220	Cái	10. Lập trình Front-End	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe	2022	220	Bộ	11. Công nghệ Java	2 kỳ/năm	Dùng chung	
					12. Phát triển phần mềm Full-Stack	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
					13. Công cụ phát triển ứng dụng	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
					14. Kiểm thử phần mềm	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
					15. Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
					16. Phát triển ứng dụng đa nền tảng	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
					17. Phát triển Game			
					18. Phát triển ứng dụng Web nâng cao			
					19. DevOps			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
3 PHÒNG GYM	Dàn đa năng	2019	1	Cái	1. GDTC–Thế hình thẩm mỹ 1 2. GDTC–Thế hình thẩm mỹ 2 3. GDTC–Thế hình thẩm mỹ 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn xoay eo	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tập đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn gánh đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ tạ các loại	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực	2019	5	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập bụng	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập tay	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tập đa năng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn xoay eo 3 đĩa	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn gánh đùi (khung gánh tạ)	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập bụng	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Ghế tập ngực dưới	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế dốc tập ngực dưới	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực ngang	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực trên	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập có điều chỉnh	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập duỗi lưng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập tay trước	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế ngang (ghế khởi động)	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đạp đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ép đùi - banh đùi	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đạp đùi + gánh đùi	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Xe đạp bánh đà	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Máy trượt tuyết	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chạy bộ	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy đẩy ngực ngang	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy đạp cơ mông	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập ép ngực/lưng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập ngực xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập xà đơn/xà kép/trợ lực	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập bụng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đẩy vai	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đùi sau	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập duỗi chân (đá/móc đùi)	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập tay trước	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Tạ tay các loại	2019	79	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tạ đĩa các loại	2019	77	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đòn tạ các loại	2019	23	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giá đặt đòn tạ	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giá đặt tạ tay	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bóng hơi	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thanh kéo tay PB16	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dây đôi tập xô tay	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập cơ lưng - vai IT9319 Impulse	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập cơ SL7002 Impulse	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Khung tập thể lực đa năng I-Shape (IZ7001, IZ7002, IZ7008)	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tạ đa năng SL7015	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Ghế tập ngực ngang IT7014	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập có điều chỉnh IT7011	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
4 PHÒNG AEROBIC	Dây nhảy	2019	10	Cái	1. GDTC-Aerobic 1 2. GDTC-Aerobic 2 3. GDTC-Aerobic 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa di động	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thảm tập	2019	180	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Kính thủy	2019	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
5 PHÒNG TẬP VÕ	Bao cát treo 1.2m	2019	5	Cái	1. GDTC-Vovinam 1 2. GDTC-Vovinam 2 3. GDTC-Vovinam 3 4. GDTC-Boxing 1 5. GDTC-Boxing 2 6. GDTC-Boxing 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Địch đá	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Găng boxing	2019	12	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Địch đấm	2019	8	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu bảo hộ	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đồng hồ bấm giờ	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Thang dây	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chóp nhựa	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giáp bảo hộ	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dây nhảy	2019	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thảm tập	2019	180	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
6 PHÒNG HỌC ONLINE	Máy tính	2019	140	Cái	Phục vụ các môn học của chương trình đào tạo trong điều kiện Online, giao lưu quốc tế	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Máy chiếu	2019	140	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn chiếu	2019	140	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe	2021	5	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Webcam	2021	5	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
7 TRUNG TÂM SỰ	Loa array Active Tasso T2	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa Motivity BLS12M	2021	1	Cặp		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
KIẾN	Mixer Midas M32R Live	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro không dây SKM 6000	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro không dây Shure BLX 288A	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Amplifer Crown X1i3500	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Amplifer Korah Ka27s	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	DriveRackDBX PA260	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ thiết bị 16U	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Cây trụ treo đèn	2021	2	Cây		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Beam 230 (350w)	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Parled full	2021	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn ánh sáng vàng	2021	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn điều khiển đèn Disco 240	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

3.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 4.120,67 m²;
- Số chỗ ngồi: 1000;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40 máy
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 và Dspace
- Thư viện điện tử: 01; Số lượng sách, giáo trình điện tử: 27.082

Về thư viện, trung tâm học liệu: Nhà trường hiện có 04 thư viện và trung tâm học liệu với tổng diện tích 4.120,67 m². Thư viện còn được bố trí đầy đủ trang thiết bị hiện đại như hệ thống máy lạnh, đèn, bàn ghế,... hệ thống máy tính tra cứu tốc độ cao, diện tích phù hợp, không gian thoáng đãng với sức chứa hơn 200 chỗ ngồi tạo môi trường, điều kiện học tập tốt nhất cho người học. Hiện nay, Thư viện sử dụng 02 phần mềm trong hoạt động của mình: Phần mềm Libol 6.0: Cung cấp thông tin thư mục tài liệu dạng giấy có tại thư viện và Phần mềm mã nguồn mở DSpace: Cung cấp thông tin thư mục và toàn văn các bộ sưu tập tài liệu điện tử do thư viện số hóa và sưu tập từ các nguồn khác nhau như tài liệu, bài giảng, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, luận văn, luận án và các báo cáo tốt nghiệp, là nguồn tham khảo phong phú trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. Thư viện có ban hành Nội quy Thư viện quy định thời gian mở cửa cũng như các quyền lợi và trách nhiệm của người sử dụng Thư viện. Ngoài những tài liệu từ nguồn mua, Thư viện cũng nhận được số lượng đáng kể các tài liệu từ nguồn các nguồn tài trợ khác nhau như Quỹ Châu Á,....

Bên cạnh đó, Thư viện cũng đã có những thỏa thuận về dùng chung cơ sở dữ liệu với các Thư viện khác có cùng chuyên ngành đào tạo với các cơ sở dữ liệu như Proquest, Springerlink là điều kiện rất thuận lợi cho quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên; Thư viện là thành viên của Liên chi hội Thư viện đại học phía Nam, có những liên kết nguồn học liệu với các trường thành viên; Tham gia vào hệ thống liên kết nguồn lực thông tin KHCN của Sở Khoa học và Công nghệ (Stinet.gov.vn) với nhiều dữ liệu từ hơn 30 trường đại học với những tài liệu được cập nhật, điều này giúp sinh viên có thêm nhiều kênh tham khảo tài liệu, dữ liệu thực tế, đảm bảo quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Bảng 14. Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Triết học Mac-Lenin	TS. Nguyễn Minh Trí	UEF, 2020	ebook	Triết học Mác – Lenin	POL1111	Học kỳ 5A	65915
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2018	2 bản	Triết học Mác – Lenin	POL1111	Học kỳ 5A	22759
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Hà Nội:	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2008	5 bản	Triết học Mác – Lenin	POL1111	Học kỳ 5A	1891
4	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mac-Lenin	PGS.TS. GVCC Hồ Trọng Viện	UEF, 2020	ebook	Kinh tế chính trị Mác – Lenin	POL1112	Học kỳ 5B	65590
5	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2018	2 bản	Kinh tế chính trị Mác – Lenin	POL1112	Học kỳ 5B	22759
6	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2007	5 bản, ebook	Kinh tế chính trị Mác – Lenin	POL1112	Học kỳ 5B	2022
7	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	ThS. Hà Huyền Hoài Vân	UEF, 2020	ebook	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6A	65413
8	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, 2008	1 bản	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6A	3641
9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ, Thị Thạch, chủ biên	Ban Tuyên giáo Trung ương, 2019	ebook	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6A	26101
10	Tư tưởng HCM	ThS. Trần Thị Hà	UEF, 2020	ebook	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	65920

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
11	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2010	5 bản	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	17383
12	Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập		Chính trị quốc gia, 2000	ebook	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	24252...
13	Lịch sử Đảng	ThS. Nguyễn Đình Cơ	UEF, 2020	ebook	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	65623
14	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2013	13 bản	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	17659
15	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, 2012	1 bản	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	15845
16	Pháp luật đại cương	Trần Huỳnh Thanh Nghị	UEF, 2020	ebook	Pháp luật đại cương	LAW1101	Học kỳ 2B	file
17	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Có hiệu lực từ 01/01/2014	Trần Mạnh Đạt, Nguyễn Văn Huy	Tư pháp, 2017	2 bản	Pháp luật đại cương	LAW1101	Học kỳ 2B	18648

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
18	Giáo trình tin học đại cương (lý thuyết, thực hành)	Khoa công nghệ thông tin, UEF	UEF, 2016	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1B	65891-65892
19	Discovering Computers 2018: Digital Technology, Data, and Devices (Shelly Cashman Series)	Vermaat	Cengage Learning, 2018	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1B	24767
20	Discovering Computers and Microsoft Office 2016: A Fundamental Combined Approach	Mark Frydenberg	Cengage Learning, 2017	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1B	24134
21	Project Design 1	UEF	UEF, 2018	Ebook	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2A	65601
22	Xây dựng nhóm hiệu quả: 50 hoạt động đơn giản và thiết thực để đạt kết quả nhanh chóng	Brian Cole Miller; Hải Ninh dịch	Lao động - Xã hội, 2011	8 bản	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2A	15601
23	The fine art of the big talk: Bí quyết chinh phục khách hàng, thuyết trình thành công và giải quyết mâu thuẫn trong công việc	Debra Fine; Minh Hạnh dịch; Trần Vũ Nhân hiệu đính	Lao động - Xã hội, 2009	8 bản	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2A	12436
24	Project Design 2	UEF	UEF, 2018	ebook	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 4A	65602

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
25	Sáng tạo và đổi mới. Tập 1, Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới	Phan Dũng	Trẻ, 2010	ebook	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 4A	14496
26	Harvard business review on business model innovation		Harvard Business School Pub., 2010, Boston, MA	1 bản	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 4A	16709
27	Getting innovation right: how leaders leverage inflection points to drive success	Seth Kahan	Jossey-Bass, 2013, San Francisco	1 bản	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 4A	17636
28	Toán cao cấp	UEF	UEF, 2019	ebook	Toán cao cấp	MAT1103	Học kỳ 3A	Kho GT
29	Toán cao cấp, T.2 - Đại số tuyến tính	Nguyễn, Viết Đông	Giáo dục, 2007		Toán cao cấp	MAT1103	Học kỳ 3A	2333
30	Giáo trình Toán cao cấp - Đại số tuyến tính	Hoàng Anh Tuấn, Đoàn Thiện Ngân	UEF, 2012	1 bản	Toán cao cấp	MAT1103	Học kỳ 3A	17483
31	Xác suất và Thống kê	UEF	UEF, 2019	ebook	Xác suất thống kê	STA1101	Học kỳ 4A	Kho GT
32	Giáo trình xác suất – Thống kê	Lê Sĩ Đồng	Giáo dục, 2013	ebook	Xác suất thống kê	STA1101	Học kỳ 4A	23846
33	Xác suất thống kê và ứng dụng	Lê Sĩ Đồng	Giáo dục, 2007	5 bản, ebook	Xác suất thống kê	STA1101	Học kỳ 4A	1746
34	Giáo trình xác suất và thống kê	Lê Bá Long	Thông tin – Truyền thông Hà Nội, 2010	1 bản	Xác suất thống kê	STA1101	Học kỳ 4A	15856

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
35	Giáo trình xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	Bách khoa Hà Nội, 2007	5 bản, ebook	Xác suất thống kê	STA1101	Học kỳ 4A	1741
36	Intercultural communication	Khoa Tiếng Anh tổng hợp	UEF, 2021	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
37	Countries and Their Cultures, Volume 1: Afghanistan to Czech Republic	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	24064
38	Countries and Their Cultures, Volume 2: Denmark to Kyrzyzstan	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York.	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	39797
39	Countries and Their Cultures, Volume 4: Saint Kitts and Nevis to Zimbabwe	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	25597
40	Countries and Their Cultures, Volume 3: Laos to Rwanda	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	22939
41	Intercultural communication: A reader (12 th ed.)	Samovar, L.A., Porter, R.E., & McDaniel, E.R.	Cengage, Boston, 2015, USA	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 6B hoặc &7A	22842

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
42	Tập bài đọc Lịch sử văn minh thế giới	Đào Minh Hồng	UEF, 2021	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 6B hoặc &7A	File
43	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2016	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 6B hoặc &7A	65630
44	Almanach những nền văn minh thế giới		Văn hoá thông tin, 2007	1 bản	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 6B hoặc &7A	22193
45	The Fourth Industrial Revolution	Klaus Schwab	World Economic Forum, 2016, Switzerland	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 6B hoặc &7A	66501
46	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	TS. Phan Huy Hồng	Hồng Đức, 2016	ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
47	Giáo trình luật thương mại. T.1 + T.2	Trường Đại học Luật Hà Nội - Hà Nội	Công an Nhân dân, 2009	16 bản	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	14631 - 14632
48	Luật thương mại: các văn bản hướng dẫn thi hành và 240 câu hỏi - đáp luật thương mại	Ngô, Quỳnh Hoa	Lao động Xã hội, 2006	3 bản, ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	1723
49	Luật thương mại: Số: 36/2005/QH11, Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2005	Quốc hội	Quốc hội Việt Nam, 2005	ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	24978
50	Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	Chủ biên: TS. Bùi thị Hải Yến	Giáo dục, 2006	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	23029

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
51	The Geography of the World Economy	McCarthy, Linda	Routledge is an imprint of the Taylor, 2014	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	23046
52	Kinh tế thế giới một thiên niên kỷ phát triển	Angus Maddison	Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011		Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
53	Thế giới phẳng - Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI	Thomas L. Friedman	Trẻ, 2019		Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
54	Nhật Bản - Đất nước và con người	Eiichi Aoki	Hồng Đức, 2021		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
55	Văn hóa Nhật Bản	Viện văn hóa Nhật Bản	Thế giới, 2021		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
56	Bốn mùa trên xứ Phù Tang	Nguyễn Chí Linh	Tổng hợp TP.HCM, 2018		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
57	Lịch sử tư tưởng Nhật Bản	Thích Thiên Ân	Hồng Đức, 2018		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
58	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc	Nguyễn Trường Tân	Văn hóa - Thông tin, 2011	9 bản	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	KOR1147	Học kỳ 6B hoặc &7A	15252
59	Đối thoại với các nền văn hóa- Trung Quốc	Trịnh Huy Hóa	Trẻ, 2004	ebook	Đất nước học Trung Quốc	CHI1122	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
60	Đất nước học Trung Quốc = 中国概况	Vương Thuận Hồng = 王顺洪	Đại học Bắc Kinh, 1994		Đất nước học Trung Quốc	CHI1122	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
61	Hoạch định tài chính cá nhân		UEF	ebook	Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 6B hoặc &7A	File

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
62	Personal Financial Planning, 12th edition	Lawrence J. Gitman, Michael D. Joehnk	Cengage Learning, 2011, South-Western	ebook	Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 6B hoặc &7A	66507
63	Personal Finance- An intergrated planning approach, 6-th edition	Bernard J. Winger, Ralph R. Frasca	Pearson College Div; 2002		Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
64	Leadership: Theory and practice, 7 th edn	Peter G. Northouse	SAGE Publications, 2016	ebook	Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
65	The Essentials of leadership in Governemnt: Understanding the basics, 2 nd edn	Darryl Plecas, Colette Squires, and Len Garis	University of the Fraser Valley, 2018		Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
66	Tâm lý quản lý và nghệ thuật lãnh đạo	Lê Văn Lập	Lao Động, 2011	8 bản, ebook	Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 6B hoặc &7A	15799
67	Nghệ thuật học	Nguyễn Văn Khang	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
68	Giáo trình lịch sử nghệ thuật (Tập 1 và 2)	Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Đình Thi,...	Trường Đại học Xây Dựng, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, 2018		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
69	Nghệ thuật là gì? Làm thế nào để hiểu tranh và ảnh?	Đặng Thị Bích Ngân (biên soạn theo Maria Carla Prette và Alfolso De Giorgie	Văn hóa Thông tin, 2005		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
70	Mỹ thuật học đại cương	Nguyễn Xuân Tiên	Thông tin và Truyền thông, 2014		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
71	Bài giảng Phân tích dữ liệu ứng dụng		UEF	ebook	Phân tích dữ liệu ứng dụng	DAS1124	Học kỳ 6B hoặc &7A	File
72	Hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại Việt Nam		2016		Nhập môn chuyển đổi số	DAS1125	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
73	Shaping the Digital Enterprise: Trends and Use Cases in Digital Innovation and Transformation	Gerhard Oswald, Michael Kleinemeier	Springer, International Publishing Switzerland, 2017	ebook	Nhập môn chuyển đổi số	DAS1125	Học kỳ 6B hoặc &7A	66508
74	Giáo trình Tâm lý học		UEF, 2020	ebook	Tâm lý giao tiếp	PSY1103	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
75	Tâm lý học	Nguyễn Ánh Hồng	Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2015		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
76	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
77	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
78	Tạo dựng thương hiệu cá nhân	Dawn Graham	Lao động, 2019		Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	HMM1137	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
79	Văn hóa các nước Đông Nam Á: Giáo trình lưu hành nội bộ	Tổng hợp	UEF, 2019	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
80	Southeast Asian Culture and Heritage in a Globalising World: Diverging Identities in a Dynamic Region (Heritage, Culture and Identity)	Rahil Ismail, Brian J. Shaw, Ooi Giok Ling	ASHGATE, 2009	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	22910
81	Routledge handbook of Southeast Asian development	Andrew McGregor, Lisa Law, Fiona Miller	Routledge, 2018, New York	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	66379

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
82	Asian Cultural Flows: Cultural Policies, Creative Industries, and Media Consumers	Nobuko Kawashima, Hye-Kyung Lee	Springer, 2018, Singapore	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 6B hoặc &7A	66356
83	Presentation Patterns: A Pattern Language for Creative Presentations	Takashi Iba	CreativeShift Lab, 2018	ebook	Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 6B hoặc &7A	Kho GT
84	Nghệ thuật nói trước công chúng	Dale Carnegie	Dân trí, 2019		Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
85	Thuật thuyết trình - nói sao để gây ấn tượng và tạo ảnh hưởng	Miranda Harry	Trẻ, 2020		Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 6B hoặc &7A	MM
86	American English File 2 (2nd ed.): (Files 1-4) (WB + SB)	Latham-Koenig, C., & Oxenden, C.	Oxford University Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1 A	Kho GT
87	English for life – Speaking: (Units 1-5)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1 A	Kho GT
88	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1 A	17751
89	American English File 2 (2nd ed.): (Files 5-8) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig,	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Clive Oxende						
90	English for life – Speaking: (Units 6-10)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	Kho GT
91	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	17751
92	American English File 2 (2nd ed.): (Files 9-12) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	Kho GT
93	English for life – Speaking: (Units 11-15)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	Kho GT
94	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	17751
95	American English File 3 (2nd ed.): (Files 1-4) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
96	English for life – Speaking: (Units 16-20)	Snelling, R.	Collins, 2014	ebook	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	Kho GT
97	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	17751
98	American English File 3 (2nd ed.): (Files 5-7) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	Kho GT
99	Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0: (Units 1-5)	Cusack, B. & McCarter, S.	Macmillan Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	Kho GT
100	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	17751
101	American English File 3 (2nd ed.): (Files 7-10) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
102	Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0: (Units 6-10)	Cusack, B. & McCarter, S.	Macmillan Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	Kho GT
103	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	17751
104	Mindset for IELTS level 2 – student book	Cambridge	Cambridge, 2017	ebook	Tiếng Anh 7	ENG2107	Học kỳ 4A	65682
105	Cambridge IELTS 12-15	Cambridge English	Cambridge University Press, 2018	ebook	Tiếng Anh 7	ENG2107	Học kỳ 4A	24821
106	The official cambridge guide to IELTS for academic & General training: Student's book with answers	Vanessa Jakeman	Cambridge University Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 7	ENG2107	Học kỳ 4A	26223
107	Nhập môn lập trình	UEF	UEF, 2016	ebook	Nhập môn lập trình	ITE1203	Học kỳ 1A	Kho GT
108	The C programming language	Brain W. Kernigan & Dennis Ritchie	Prentice Hall Publisher, 1988	ebook	Nhập môn lập trình	ITE1203	Học kỳ 1A	40648
109	Giáo trình nhập môn lập trình VB6	Phạm Hữu Khang chủ biên; Hoàng	Lao động Xã hội, 2005	10 bản	Nhập môn lập trình	ITE1203	Học kỳ 1A	2198

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Đức Hải, Đoàn Thiện Ngân						
110	Tài liệu hướng dẫn thực hành Nhập môn lập trình	UEF	UEF, 201?	ebook	Nhập môn lập trình	ITE1203	Học kỳ 1A	file
111	Kỹ thuật lập trình	UEF	UEF, 2019	ebook	Kỹ thuật lập trình	ITE1205	Học kỳ 1B	67058
112	The C programming language	Brain W. Kernighan & Dennis Ritchie	Prentice Hall Publisher, 1988	ebook	Kỹ thuật lập trình	ITE1205	Học kỳ 1B	40648
113	Giáo trình Kỹ thuật lập trình nâng cao	Trần Hoàng Thọ	Đại học Đà Lạt, 2002	ebook	Kỹ thuật lập trình	ITE1205	Học kỳ 1B	9740
114	Tài liệu hướng dẫn thực hành Kỹ thuật lập trình	Văn Thị Thiên Trang	UEF, 201?	ebook	Kỹ thuật lập trình	ITE1205	Học kỳ 1B	file
115	Lý thuyết đồ thị	UEF	UEF, 2023	ebook	Cấu trúc rời rạc	SWE1101	Học kỳ 3A	66819
116	Toán học rời rạc và Ứng dụng trong tin học = Discrete Mathematics and its applications	Kenneth H. Rosen, Phạm Văn Thiều, Đặng Hữu Thịnh dịch	Khoa học Kỹ thuật, 2003	1 bản	Cấu trúc rời rạc	SWE1101	Học kỳ 3A	1207
117	Discrete mathematics with algorithms	Michael O. Albertson, Joan P. Hutchinson	Wiley, 1988	2 bản	Cấu trúc rời rạc	SWE1101	Học kỳ 3A	1049

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
118	Toán rời rạc và nhập môn lý thuyết đồ thị	Trần Nam Dũng	UEF, 2009	5 bản	Cấu trúc rời rạc	SWE1101	Học kỳ 3A	10564
119	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	UEF	UEF, 2016	ebook	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ITE1206	Học kỳ 2B	Kho GT
120	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Dương Anh Đức, Trần Hạnh Nhi	Đại học Khoa học Tự nhiên, 2008	8 bản	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ITE1206	Học kỳ 2B	12556
121	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán: Cách tiếp cận định hướng đối tượng sử dụng C++	Đinh Mạnh Tường	Đại học quốc gia Hà Nội, 2008	5 bản	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ITE1206	Học kỳ 2B	10499
122	Cấu trúc dữ liệu	Nguyễn Văn Linh, Trần Cao Đệ, Trương Thị Thanh Tuyền	Đại học Cần Thơ, 2003	ebook	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ITE1206	Học kỳ 2B	9711
123	Ngôn ngữ lập trình C++ và cấu trúc dữ liệu	Nguyễn Việt Hương	Giáo dục, 2007	5 bản	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ITE1206		2350
124	Microsoft SQL Server 2012 Bible	Adam Jorgensen	John Wiley & Sons, Inc, 2012	ebook	Quản trị dữ liệu	SWE1202	Học kỳ 4A	65681
125	Database Systems: Design, Implementation, and Management: 12th Edition	Carlos Coronel, Steven Morris,	Cengage Learning, 2017	ebook	Quản trị dữ liệu	SWE1202	Học kỳ 4A	23986

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
126	Lập trình hướng đối tượng	UEF	UEF, 2019	ebook	Phương pháp lập trình	SWE1203	Học kỳ 3B	66818
127	Lập trình hướng đối tượng với Java	Đoàn Văn Ban	Khoa học Kỹ thuật, 2005	ebook	Phương pháp lập trình	SWE1203	Học kỳ 3B	12201
128	Giáo trình C++ và lập trình hướng đối tượng	Phạm Văn Ất, Lê Trường Thông	Hồng Đức, 2009	1 bản	Phương pháp lập trình	SWE1203	Học kỳ 3B	19591
129	An introduction to object-oriented programming with Java / C	C. Thomas, Wu Boston	C. McGraw Hill Higher Education, 2010	1 bản	Phương pháp lập trình	SWE1203	Học kỳ 3B	17566
130	Giáo trình nhập môn trí tuệ nhân tạo	Từ Minh Phương	Thông tin và truyền thông, 2014	ebook	Trí tuệ nhân tạo	ITE1218	Học kỳ 4B	66821
131	Artificial intelligence and soft computing : behavioral and cognitive modeling of the human brain	Amit Konar	CRC press, 2000	ebook	Trí tuệ nhân tạo	ITE1218	Học kỳ 4B	10162
132	Giáo trình mạng trí tuệ nhân tạo mạng Noron : phương pháp & ứng dụng	Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Đức Hải	Giáo dục, 2000	10 bản	Trí tuệ nhân tạo	ITE1218	Học kỳ 4B	2128
133	Trí tuệ nhân tạo máy học	Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Đức Hải	Lao động – Xã hội, 2002	ebook	Trí tuệ nhân tạo	ITE1218	Học kỳ 4B	2221

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
134	Cryptography and Network Security: Principles and Practice, 7th edition	William Stallings	Prentice Hall, 2017	ebook	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	SWE1204E	Học kỳ 4B	25010
135	Computer Networking- A Top Down Approach, 6th edition	James F. Kurose, Keith W. Ross	Pearson, 2013	ebook	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	SWE1204E	Học kỳ 4B	26155
136	Modern operating systems, 4th edition	Andrew S. Tanenbaun, Herbert Bos	Pearson, 2015	ebook	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	SWE1204E	Học kỳ 4B	23756
137	Information assurance for the enterprise: a roadmap to information security	Corey Schou, Dan Shoemaker	McGraw-Hill Irwin, 2007	ebook	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	SWE1204E	Học kỳ 4B	16694
138	IT Essentials. II, Networking Operating Systems lab Companion	Cisco Systems, Inc	Cisco Press, 2003	ebook	Mạng máy tính và bảo mật thông tin	SWE1204E	Học kỳ 4B	3351
139	Windows Forms Programming with C#	Erik Brown	Manning, 2002	ebook	Lập trình ứng dụng	SWE1205E	Học kỳ 5A	65935
140	Tài liệu hướng dẫn thực hành Phát triển ứng dụng Desktop	UEF	UEF	ebook	Lập trình ứng dụng	SWE1205E	Học kỳ 5A	file
141	Windows Forms Programming in C#	Chris Sells	Addison-Wesley, 2003	ebook	Lập trình ứng dụng	SWE1205E	Học kỳ 5A	25957
142	NetBeans IDE field guide : developing desktop, Web, enterprise, and mobile applications : 2nd ed.	<u>Keegan, Patrick ...[et al.]</u>	Prentice Hall, 2005, Upper Saddle River, NJ	ebook	Lập trình ứng dụng	SWE1205E	Học kỳ 5A	8924

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
143	“Software Engineering - A Practitioner's Approach”, Eighth Edition	Roger S. Pressman & Bruce R. Maxim	McGraw-Hill, 2014	ebook	Kỹ thuật phần mềm	SWE1206E	Học kỳ 5A	66815
144	Software engineering: An engineering approach	James F. Peters, Witold Pedrycz	John Wiley, 2000	ebook	Kỹ thuật phần mềm	SWE1206E	Học kỳ 5A	1039
145	Software engineering: theory and practice	Shari Lawrence Pfleeger	Prentice Hall, 2001	ebook	Kỹ thuật phần mềm	SWE1206E	Học kỳ 5A	1080
146	Software measurement and estimation: A practical approach	Linda M. Laird, M. Carol Brennan Hoboken	John Wiley & Sons, 2006	ebook	Kỹ thuật phần mềm	SWE1206E	Học kỳ 5A	2902
147	“Software Engineering - A Practitioner's Approach”, Ninth Edition	Roger S. Pressman & Bruce R. Maxim	McGraw-Hill, 2020	ebook	Kỹ thuật phần mềm	SWE1206E	Học kỳ 5A	MM
148	System Analysis and Design, 10 th editon	Kenneth E. Kendall, Julie E. Kendal	Pearson Education, 2020	ebook	Phân tích và thiết kế phần mềm	SWE1107E	Học kỳ 5B	66820

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
149	System analysis, design, and development: concepts, principles, and practices	Charles S. Wasson Hoboken	John Wiley & Sons, 2006	ebook	Phân tích và thiết kế phần mềm	SWE1107E	Học kỳ 5B	2950
150	Object-oriented analysis and design: Understanding system development with UML 2.0	Mike O'Docherty Chichester	Wiley, 2005	ebook	Phân tích và thiết kế phần mềm	SWE1107E	Học kỳ 5B	2853
151	Design Research in Information Systems: Theory and Practice: (Integrated Series in Information Systems - Volume 22)	Alan <u>Hevner</u> , Samir <u>Chatterjee</u>	Springer, 2010, US	ebook	Phân tích và thiết kế phần mềm	SWE1107E	Học kỳ 5B	23703
152	Learning Web Design: A Beginner's Guide to HTML, CSS, JavaScript, and Web Graphics	Jennifer N.B.	O'Reilly Media, 2012	ebook	Lập trình Front-End	SWE1208E	Học kỳ 5B	65621
153	Web Design with HTML, CSS, JavaScript and JQuery Set	Jon D.	Wiley, 2014		Lập trình Front-End	SWE1208E	Học kỳ 5B	MM
154	Learn Java for Web Development	Vishal Layka	Apress Berkeley, 2014, CA	ebook	Công nghệ Java	ITE1219E	Học kỳ 6A	23170
155	Web Development with Java	Tim Downey	Springer, 2007, London		Công nghệ Java	ITE1219E	Học kỳ 6A	MM
156	Java EE Web Application Primer	Dave Wolf, A.J. Henley	Apress Berkeley, 2017, CA	ebook	Công nghệ Java	ITE1219E	Học kỳ 6A	25412

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
157	Professional ASP.NET MVC 5.	Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson	Apress. John Wiley & Sons, Inc., 2014	ebook	Phát triển phần mềm Full-Stack	SWE1209E	Học kỳ 6A	23374
158	Web engineering: The discipline of systematic development of web applications	Gerti Kappel,	John Wiley & Sons, Hoboken, 2006, N.J	ebook	Phát triển phần mềm Full-Stack	SWE1209E	Học kỳ 6A	1429
159	Ajax, rich Internet applications, and web development for programmers	Paul J. Deitel, Harvey M. Deitel,	Prentice Hall PTR, 2008	ebook	Phát triển phần mềm Full-Stack	SWE1209E	Học kỳ 6A	40683
160	Pro Git	Scott Chacon, Ben Straub	Apress Berkeley, 2014, CA.	ebook	Công cụ phát triển ứng dụng	SWE1210E	Học kỳ 7B	53026
161	Practical Git	Practical Git	Apress Berkeley, 2020, CA		Công cụ phát triển ứng dụng	SWE1210E	Học kỳ 7B	MM
162	Beginning Git and GitHub	Mariot Tsitoara	Apress Berkeley, 2020, CA		Công cụ phát triển ứng dụng	SWE1210E	Học kỳ 7B	MM
163	Software Quality Assurance	Neil Walkinshaw	Springer, 2017, Cham		Đảm bảo chất lượng phần mềm	SWE1111E	Học kỳ 7B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
164	The Future of Software Quality Assurance	Stephan Goericke	Springer, 2020, Cham		Đảm bảo chất lượng phần mềm	SWE1111E	Học kỳ 7B	MM
165	Software Testing and Internationalization	Rätzmann, Manfred, Young, Clinton De	Galileo Press GmbH, 2002	ebook	Đảm bảo chất lượng phần mềm	SWE1111E	Học kỳ 7B	41576
166	Foundation of Software testing IST QB Certification	Dorothy Graham, Erik van Veenendaal, Isabel Evans, Rex Black	Thomson, 2011	ebook	Kiểm thử phần mềm	SWE1212E	Học kỳ 7A	65483
167	The art of software testing	Glenford J. Myers	John Wiley & Sons, 2004	ebook	Kiểm thử phần mềm	SWE1212E	Học kỳ 7A	2905
168	Software Testing and Internationalization	Rätzmann, Manfred, Young, Clinton De	Galileo Press GmbH, 2002	ebook	Kiểm thử phần mềm	SWE1212E	Học kỳ 7A	41576
169	Testing .NET application Blocks	Microsof	Microsoft Cor, 2005	ebook	Kiểm thử phần mềm	SWE1212E	Học kỳ 7A	2907
170	Test Automation Using Selenium WebDriver with Java	Navneesh Garg	2014		Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động	SWE1213E	Học kỳ 7B	MM
171	Test Automation. In: Introduction to Software Testing	Leloudas, P.	Apress, Berkeley, CA 2023		Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động	SWE1213E	Học kỳ 7B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
172	Testing .NET application Blocks	Microsof	Microsoft Cor, 2005	ebook	Công cụ và kỹ thuật kiểm thử tự động	SWE1213E	Học kỳ 7B	2907
173	Agile Test Management, Methods, and Techniques. In: Agile Testing.	M. Baumgartner, M. Klonk, C. Mastnak, H. Pichler, RSeidl, S. Tanczos,	Springer, 2021, Cham		Quản lý dự án kiểm thử	SWE1114E	Hoc kỳ 8A	MM
174	Quality and Test Management. In: Managing Agile.	A.Moran	Springer, 2015, Cham		Quản lý dự án kiểm thử	SWE1114E	Hoc kỳ 8A	MM
175	Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide	Bill Phillips, Chris Stewart, Brian Hardy and Kristin Marsicano	Big Nerd Ranch, 2015	Ebook	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	SWE1216E	Học kỳ 7A	24000
176	Lập trình trên thiết bị di động	UEF	UEF, 2018	ebook	Phát triển ứng dụng đa nền tảng	SWE1216E	Học kỳ 7A	66551
177	Beginning Android Application Development	Wei-Meng Lee	John Wiley & Sons, 2012		Phát triển ứng dụng đa nền tảng	SWE1216E	Học kỳ 7A	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
178	Learn Unity for Windows 10 Game Development	Sue Blackman, Adam Tuliper	Apress Berkeley, 2016, CA.	ebook	Phát triển game	ITE1166E	Học kỳ 7B	file
179	Pro Unity Game Development with C#	Sue Blackman, Adam Tuliper	Apress Berkeley, 2016, CA		Phát triển game	ITE1166E	Học kỳ 7B	MM
180	Learn 2D Game Development with C#	Jebediah Pavleas, Jack Keng-Wei Chang, Kelvin Sung, Robert Zhu	Apress Berkeley, 2013, CA		Phát triển game	ITE1166E	Học kỳ 7B	MM
181	ASP.NET Core 5 for Beginners: Kick-start your ASP.NET web development journey with the help of step-by-step tutorials and examples	Jeffrey Chilberto, Vincent Maverick Durano, Andreas Helland	Packt Publishing, 2020	ebook	Phát triển ứng dụng web nâng cao	SWE1218E	Học kỳ 7B	file
182	Web Programming ASP.NET Core	Hans-Petter Halvorsen	Halvorsen, 2021	ebook	Phát triển ứng dụng web nâng cao	SWE1218E	Học kỳ 7B	file
183	Learning DevOps: The complete guide to accelerate collaboration with Jenkins,	Mikael Krief	Packt Publishing, 2019		DevOps	SWE1219E	Học kỳ 8A	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
	Kubernetes, Terraform and Azure DevOps							
184	DevOps for Developers	Michael Hüttermann	Apress Berkeley, 2012, CA		DevOps	SWE1219E	Học kỳ 8A	MM
185	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp.HCM, 2009	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 1	GYM1341	Học kỳ 3B	25458
186	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp.HCM, 2009	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 2	GYM1342	Học kỳ 4A	25458
187	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 2	GYM1343	Học kỳ 4B	25458

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			thao Tp.HCM, 2009					
188	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Giáo trình) Tập 2	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hải...	Giáo dục VN, 2016	Ebook	Giáo dục quốc phòng – an ninh	MIL1203	Học kỳ 4B	Kho GT
189	Giáo dục quốc phòng - an ninh	UEF	UEF, 2021	ebook	Giáo dục quốc phòng – an ninh	MIL1203	Học kỳ 4B	65492

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Bên cạnh các cơ sở vật chất đã có sẵn, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới cũng như mua sắm thêm nhiều thiết bị khác để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Cán bộ - giảng viên – nhân viên, người học một các hiệu quả nhất tương xứng với yêu cầu đào tạo theo mô hình chuẩn quốc tế; đảm bảo đủ phòng học để giảng dạy và học tập.

Trường đã điều chỉnh xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 được thể hiện trong Quyết định số 28/QĐ-HĐT ngày 09 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường, Đầu tư cơ sở vật chất là chiến lược thành phần Trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể:

Mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp và đồng bộ với quy mô, đặc điểm đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học tương xứng với yêu cầu đào tạo theo mô hình chuẩn quốc tế.

Đảm bảo đủ phòng học để giảng dạy và học tập, xây dựng và hoàn thiện các khu vực luyện tập thể dục thể thao, giải trí, văn hóa nghệ thuật. Hoàn thiện và đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng mô phỏng cho các môn học có nhu cầu. Quy hoạch, nâng cấp, hoàn thiện thư viện theo hướng tập trung, hiện đại.

Triển khai đầu tư xây dựng Trường tại Dự án Khu Nam – xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh. Trên cơ sở đó, thực hiện quá trình hiện đại hóa cơ sở vật chất – trang thiết bị dạy và học để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập với hệ thống giáo dục hiện đại., tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng của Trường tại Khu Nam – xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. HCM. Các hạng mục được ưu tiên triển khai gồm khu giảng đường, khu hành chính, khu thể dục thể thao, thư viện, các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng, khu dịch vụ và ký túc xá cho sinh viên,...

Trang bị hệ thống trang thiết bị hiện đại cho giảng đường, thư viện, các phòng máy tính, phòng thực hành, phòng mô phỏng,... để đảm bảo kết hợp tốt giữa lý thuyết và thực hành đồng thời rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu, quản lý điều hành và phục vụ mọi hoạt động của Trường.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào tất cả các khâu giảng dạy, học tập, thư viện, phòng thực hành, hệ thống quản lý, kết nối nội bộ, quan hệ bên ngoài. Chú trọng đặc biệt đến phương thức đào tạo.

Stt	Nội dung	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Hội trường, giải đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	39.050,92	43.890,86	43.890,86
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1.715,32	1.715,32	1.715,32
1.2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	8.177,96	8.487,44	8.487,44
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	13.393,08	13.771,94	13.771,94
1.5	Phòng học đa phương tiện	855,00	1.083,90	1.083,90
1.6	Phòng làm việc giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	14.909,56	18.832,26	18.832,26
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4.120,76	4.120,76	4.120,76
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập	6.924,33	9.899,33	9.899,33
Tổng cộng		50.095,92	57.910,86	57.910,86

VI. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh luôn trú trọng trong công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ - giảng viên – nhân viên và người học, Kết quả đạt được trong năm học 2022-2023: 10 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI; 17 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus; 01 bài báo khoa học đăng Kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước; 13 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu và cấp quyết định công nhận.

Phối hợp với Cục công tác phía Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức 03 Hội thảo khoa học cấp quốc gia; Xây dựng hệ thống đối tác toàn diện với nhiều bên có liên quan để dễ dàng chuyển giao công nghệ, thực hiện các đề tài nghiên cứu.

Thường xuyên mở các lớp hướng dẫn viết công bố quốc tế cho các ngành; Xây dựng cơ chế khích lệ hợp lý đối với CB – GV – NV có công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín có trong danh sách chỉ mục bởi ISI và Scopus; Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học, tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với các Viện, các trường đại học, các Sở Khoa học công nghệ ở địa phương.

Xây dựng hệ thống KPI đối với từng chức danh từng bước đưa NCKH vào thực tế và được CB – GV – NV tích cực tham gia; Thường xuyên tổ chức và nâng cao chất lượng các hội thảo quốc tế, trong nước do nhà trường tổ chức; Khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học các cấp.

Kết quả nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm.

Bảng 15. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu (đính kèm)).

Bảng 16. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (đính kèm).

VII. HỢP TÁC DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Hợp tác doanh nghiệp

Trải qua hơn 16 năm xây dựng và phát triển, với chủ trương xây dựng một trường đại học chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM luôn luôn coi trọng hợp tác liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, coi đây như là lợi thế của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên.

Nhà trường đã liên kết toàn diện với một số doanh nghiệp trong việc thiết kế và quản lý chương trình đào tạo, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thực tập thực tế và phối hợp giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên kết hợp với doanh nghiệp tổ chức hội chợ việc làm, các chương trình tuyển dụng, dịch vụ tư vấn việc làm cho sinh viên nhằm giúp sinh viên nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tổ chức các hoạt động phối hợp với các khoa chuyên ngành tổ chức mời doanh nghiệp tham gia các tiết học thực tế trong tất cả các môn học.

Ký kết hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin về việc thực tập, kiến tập, tham quan doanh nghiệp, tài trợ và cử chuyên viên, quản lý từ doanh nghiệp đến chia sẻ với sinh viên UEF.

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
1	Alta Software Co., Ltd	QTSC R&D Labs 1, Khu Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
2	CAFÉ KATINAT JSC	96-100, Trần Nguyên Đán, P3, Bình Thạnh
3	Chi nhánh Công ty CP công kết nối SATO	Số 90 Đường số 6, Cityland Park Hills, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
4	Chi nhánh Tổng Công ty TM Sài Gòn - TNHH MTV - Trung tâm điều hành của hàng tiện lợi Satrafoods	455 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3
5	Công ty cổ phần công nghệ EcoTruck	139/1A Phan Đăng Lưu, Phường 2, quận Phú Nhuận, TP.HCM
6	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC AN ĐÔNG	223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
7	Công ty cổ phần TMDV Khả Kim - Gò Vấp	29/2 Lê Đức Thọ, Gò Vấp, TPHCM
8	Công ty CP AUTOVIS VIỆT NAM	11/3 đường 39, P.Linh Trung, TP.Thủ Đức
9	Công ty CP Axiom Education Việt Nam	10H Trần Nhật Duật , phường Tân Định , Quận 1, TPHCM
10	Công ty CP Bao bì nhựa Thiên Hà	Tổ dân phố Lường, Phường Bạch Sam, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
11	Công ty CP Bất Động Sản 3S Homes	66B Nguyễn Sỹ Sách, phường 15, quận Tân Bình, tp.HCM
12	Công ty CP BCA SOLUTIONS	39 Tạ Hiện, phường Thận Mỹ Tây, Quận 2, Tp Thủ Đức
13	Công ty CP Chứng khoán VPS	144, Lê Lai, Bến Thành, Quận 1
14	Công ty CP Công Nghệ & Sáng Tạo Trẻ Teky Holdings - Bình Thạnh	20 Ung Văn Khiêm, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
15	Công ty CP Công Nghệ & Sáng Tạo Trẻ Teky Holdings - Gò Vấp	366A4 Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
16	Công ty CP Công Nghệ & Sáng Tạo Trẻ Teky Holdings - Phú Nhuận	13 – 15 Hoa Sứ, Phường 07, Quận Phú Nhuận
17	Công ty CP Công Nghệ & Sáng Tạo Trẻ Teky Holdings - Quận 7	113 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
18	Công ty CP Công Nghệ Du Lịch Gotadi	194 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM
19	Công ty CP Công Nghệ ISOFH	15 Võ Văn Chí ,Tân Kiên,Bình Chánh
20	Công ty CP Công Nghệ Một Giải Pháp	234 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận
21	Công ty CP Công Nghệ Tiến Phát	107 Nguyễn Đình Chiểu, Q3, TP.hcm
22	Công ty CP Công Nghệ VietInfo	Lầu 7, 131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, F17, Q.Bình Thạnh
23	Công ty CP Công nghiệp Cao Su Miền Nam – CASUMINA	146 Nguyễn Biểu, Phường 2, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh
24	Công ty CP Cuộc Sống Mạnh Khỏe	K39 khu 38 Ha, đường B2, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
25	Công ty CP D-Shining	7C Nguyễn Ngọc Phương, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
26	Công ty CP Doctor Laser S P A	33 Bis Phan Đình Phùng, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
27	Công ty CP DVTM Phần Mềm Quang Trung	31/7 Hoàng Dư Khương, phường 12, Quận 10, TP HCM
28	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Nông sản Sạch GREENUP	21 đường Hoa Đào, Phường 2, quận Phú Nhuận, TP.HCM
29	Công ty CP Định Anh	Số 28 - 30 đường số 2, khu phố Hưng Gia 5, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
30	Công Ty CP Động Lực Việt Nam	M-Building , số 9 đường số 8, khu A, Đô thị mới nam thành phố , phường Tân Phú , TP Hồ Chí Minh
31	Công ty CP EOTYGROUP	38B17 Đường Cây Keo, Phường Tam Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
32	Công ty CP Esports VI	107 Bến Vân Đồn, phường 9, quận 4, TPHCM
33	Công ty CP GLOBAL ONLINE BRANDING	235 Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
34	Công ty CP Gmo-Z.COM RUNSYSTEM	702-703 tầng 7 , hà đô airport building , số 2 hòng hà, phường 2 , tân bình, hồ chí minh
35	Công ty CP Innotech Việt Nam	33 Ba Vì, phường 4, quận Tân Bình
36	Công ty CP ISTUDIO Việt Nam	162 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
37	Công ty CP L&A	131 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
38	Công ty CP Mai Vàng Rồng Việt	45 Nguyễn Hữu Cánh, p22, quận Bình Thạnh, tp HCM
39	Công ty CP MAISON RETAIL MANAGEMENT INTERNATIONAL	189 Dương Bá Trạc, F.1, Q.8, TP. HCM
40	Công ty CP MODOHO	LV1.01. 02, To Huu Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, HCM
41	Công ty CP MyXTeam	4 Nguyễn Đình Chiểu Dakao Quận 1
42	Công ty CP NAVEE	20 Đ. Phan Liêm, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
43	Công ty CP Nông Nghiệp Huỳnh Gia	80/2 Yên Thế, phường 2, Tân Bình, TP.HCM
44	Công ty CP Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	2A Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh, Việt Nam
45	Công ty CP Phát Triển Giáo Dục Quốc Tế Đông Dương	240 Trần Bình Trọng P4 Q5. Tphcm
46	Công ty CP PMAX	Tầng 6, Tòa nhà Tường Việt – 95 Cách Mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
47	Công ty CP R2S	1164 Phạm Văn Đồng, Linh Đông, TP. Thủ Đức
48	Công ty CP REAL STAKE FINTECH	308 Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Hồ Chí Minh
49	Công ty CP Sữa VITADAIRY Việt Nam	Tầng 5, số 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
50	Công ty CP SX TMDV Đắc Hòa An	254 Xô Viết Nghệ Tĩnh Phường 21 Quận Bình Thạnh
51	Công ty CP Tập đoàn BIN CORPORATION	507B Huỳnh Tấn Phát Phường Tân Thuận Đông , Quận 7, TPHCM

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
52	Công ty CP Tập đoàn Chuyển Đổi Số NextPay	Tầng 3 _ Tòa nhà VFC, 134 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TPHCM
53	Công ty CP Thế Giới Di Động	Lầu 7, Tòa nhà MWG Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Hồ Chí Minh
54	Công ty CP Thực Phẩm Vĩnh Thành Đạt	350/25 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, quận 12, Tp.HCM
55	Công ty CP Tiên Phong CDS	59-61 Nguyễn Trường Tộ, Q4
56	Công ty CP Timo Việt Nam	412 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
57	Công ty CP TKSIC	Tầng 3A, Toà nhà Lighthouse, P21, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
58	Công ty CP TM Đầu Tư Công Nghệ Cao Thái Dương	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, số 231, 233 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
59	Công ty CP TMDV Công nghệ Chân Trời	Số 22, đường số 9, KDC Him Lam-Trung Sơn, Bình Hưng, Bình Chánh, TP.HCM
60	Công ty CP TMDV Ong Thợ	287/18 Thạnh Xuân 52, Thạnh Xuân, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
61	Công ty CP TMDV RingNet	38 Út Tịch Phường 4 Quận Tân Bình
62	Công ty CP Trường Học Công Nghệ Mindx - Gò Vấp	672A28 Phan Văn Trị, Gò Vấp, TP.HCM
63	Công ty CP Trường Học Công Nghệ Mindx - Tân Bình	1 Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình
64	Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng Nam Trung Phát	144 Lê Thị Hồng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
65	Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Kiến Gia	102 Cao Đức Lân, TP Thủ Đức. TP Hồ Chí Minh
66	Công ty CP Ứng Dụng Di Động Xanh	217/4 Nơ Trang Long, Phường 12, Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
67	Công ty CP VIE NETWORK	222 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TPHCM
68	Công ty CP Việt Nam Kỹ Nghệ Súc Sản	Số 420 Nơ Trang Long - P. 13 - Q. Bình Thạnh - Tp. HCM
69	Công ty CP Wanna	Topaz 1-Saigon Pearl- 92 Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
70	Công ty CP Winway Việt Nam	228 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
71	Công ty CP Xây Dựng Phát Triển Bất Động Sản Phương Đông	Căn Officetel CA-19.01, Tầng 19, Tháp T3 (Canary), Đảo Kim Cương, Số 01 Đường số 104-BTT, Khu phố 3, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
72	Công ty CP XNK Happy House	696 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
73	Công ty Luật TNHH MTV Ngôi Nhà Mơ Ước	185 Nguyễn Văn Thương, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
74	Công ty TNHH ACC GROUP VIETNAM	565a Nơ Trang Long P.13 Q.Bình Thạnh
75	Công ty TNHH AI POWER	Lầu RF Số 5 Đường Đồng Nai ,Phường 2 ,Quận Tân Bình ,TP HCM
76	Công ty TNHH ALASY	30 TX 21, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
77	Công ty TNHH An Đông Sài Gòn	554 Nguyễn Văn Công, Phường 3, Quận Gò Vấp
78	Công Ty TNHH Anneco	A.7.03 Tầng 7, Block A, Tòa nhà River Gate, 151-155 Bến Vân Đồn, Phường 06, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
79	Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam	149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận, HCM
80	Công ty TNHH Bayer Việt Nam	Lầu 3, Tòa nhà CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
81	Công ty TNHH BESO-SKIN	435/284/28 Đ. Phạm Văn Đồng, Phường 11, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
82	Công ty TNHH BLANC DECO	Số 44 đường 34 phường Bình An, Quận 2, thành phố HỒ Chí Minh
83	Công ty TNHH BM SOURDOUGH	136 Duy Tân, Phường 15, Quận Phú Nhuận
84	Công ty TNHH BOSCH GLOBAL SOFTWARE TECHNOLOGIES	RJ2Q+QVW, 364 Đ. Cộng Hòa, street, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh 70000
85	Công ty TNHH Chứng Khoán Maybank	5 Lê Quý Đôn
86	Công ty TNHH Chứng Khoán Shihan Việt Nam	Phòng 2201 Lầu 22 và Phòng 805 Lầu 8, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
87	Công ty TNHH Cốc Cốc	Tầng 3, Khu AB, Tòa nhà 27B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.
88	Công ty TNHH công nghệ Duy Lâm	46/6 Bis quốc lộ 1A, khu phố 4, phường Tân Hưng Thuận, quận 12, TP.HCM
89	Công ty TNHH Công Nghệ JPROTECH	Số 30 đường số 18, Khu phố 5, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
90	Công ty TNHH Công Nghệ KTECH	116 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM
91	Công ty TNHH Cube System Việt Nam	Tòa nhà JVPE, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, HCM
92	Công ty TNHH Cybercore Việt Nam	Số 04 Hưng Thái, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM
93	Công ty TNHH DATACARE	205/14 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
94	Công ty TNHH DECORNOW	70/16 Quốc lộ 1A, khu phố 2, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
95	Công ty TNHH Dịch Vụ Cho Thuê SUNTECH	Lầu 31, số 37 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
96	Công ty TNHH Dịch Vụ Công Nghệ Bản Việt	70 đường 13, Vạn Phúc city, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức
97	Công ty TNHH Dịch Vụ Kỹ Thuật Thái An	Số 15 Lê Quang Định, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
98	Công ty TNHH Duy Trường Phát	1046 Âu ơ Tân bình
99	Công ty TNHH DVTM XNK Phân Phối Việt Nam	Số 8, đường DC7, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP HCM
100	Công ty TNHH Đầu Tư Giáo Dục Trí Tuệ Tài Năng	160/4 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
101	Công ty TNHH đầu tư Lucky Plus	218 Trần Phú, phường Thành Công, TP.BMT
102	Công ty TNHH Đệ Nhất Ô tô	2454 QL1A, phường An Phú Đông, quận 12 TPHCM
103	Công ty TNHH Điện Tử MELIWA	153 Trần Trọng Cung, Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
104	CÔNG TY TNHH ĐỘNG HỌC STELLA	263/4 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TPHCM
105	Công ty TNHH EL TOP	236/43/9 Điện Biên Phủ, P17, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
106	Công ty TNHH FUSIONSTAR	154/83/6 Âu Dương Lân, P3, Q8
107	Công ty TNHH Gameloft	Pax Sky, 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
108	Công Ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm HP	195/10 điện biên phủ q bình thanh
109	Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Tường Minh - Phú Nhuận	111 Nguyễn Đình chính, phường 15, Phú Nhuận, TP HCM
110	Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Tường Minh - Quận 12	Đường số 10, CVPM Quang Trung, Quận 12, TPHCM
111	Công ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Việt Á	Số 02, đường số 45, phường 06, quận 4, TPHCM
112	Công ty TNHH GREENYELLOW Việt Nam	92A Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
113	Công ty TNHH HC DIGITAL	19 Đường số 3, Khu đô thị Lake View City, Đường Song hành cao tốc, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
114	Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	FPT, Đường Sáng Tạo, KCK Tân Thuận, Quận 7, TPHCM

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
115	Công ty TNHH Innovative Hub	Số 21-23 Đường B4 Phường An Lợi Đông, Thành Phố Thủ Đức Thành Phố Hồ Chí Minh
116	Công ty TNHH Intelligent T&E	Tầng 8, Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, Phường 2, Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
117	Công ty TNHH Itech Mobile	275 Nguyễn Thái Bình, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
118	Công ty TNHH KAT JEWELRY	339/1 Nguyễn Thái Bình, P.12 Q.Tân Bình
119	Công ty TNHH Kim Hoàng Long	Số 26 Đường Số 6, Khu phố 5, Phường Trường Thọ, TP Thủ Đức, TP.HCM, VN
120	Công ty TNHH KRAFT OF ASIA PAPERBOARD & PACKAGING	Đường D2, Lô B7, Khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3, Phường Phước Hoà, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
121	Công ty TNHH LEVINCI	14/12 Thân Nhân Trung, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
122	Công ty TNHH LOTA - Quận 10	107/22 Đại lộ 3 tháng 2 Tổ 29 Khu phố 3, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
123	Công ty TNHH LOTA - Quận 12	Số 28 Chung Thị Minh, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
124	Công ty TNHH Lửa Á Châu	72/74 Phan Đăng Lưu ,p5, quận Phú Nhuận
125	Công ty TNHH MEDIASSTEP SOFTWARE Việt Nam	60A Trường Sơn, phường 2, Tân Bình, TP.HCM
126	Công ty TNHH MICROTECH DFS VIETNAM	37 Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, Hồ Chí Minh
127	Công ty TNHH MOKSHA MEDIA	60 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, Quận 1 thành phố HCM
128	Công ty TNHH MTV Hải Đăng Hưng Thịnh	24 Lê Thánh Tôn, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
129	Công ty TNHH MTV Lê Tùng Dương	Khu phố 2 xã vĩnh tân, tân uyên, bình dương
130	Công Ty TNHH MTV Phát Triển Phần Mềm Âu Lạc	QTSC R&D Labs 1, Khu Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
131	Công ty TNHH MTV SX TMDV Hà Anh	2a tự do 1, tân thành, tân phú
132	Công ty TNHH MTV TM Và Đầu Tư Liên Á Châu	346 Bến Vân Đồn, P1, Q4, TP Hồ Chí Minh
133	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch Vụ Truyền Thông Âu Lạc	86/33 Âu Cơ, phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
134	Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết Đồng Tháp	01, Duy Tân, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp
135	Công ty TNHH NA COS	40 đường 31e, an phú, quận 2

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
136	Công ty TNHH Netgroup	Tòa nhà INNOVATION, 27E Đường Số 36, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức,HCM
137	Công ty TNHH NTNT	Số 47, đường 28, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
138	Công ty TNHH Phần mềm Kỹ nguyên số	341A, Lê Trọng Tấn, Sơn Kỳ, Tân Phú,TP.HCM
139	Công ty TNHH Pizitech	319/A8 Lý Thường Kiệt, P15, Q11
140	Công ty TNHH PRIME COMMERCE Việt Nam	207/7 Nguyễn Văn Thủ, Đa Kao, Quận 1
141	Công ty TNHH PTGROUP	260/43 Nguyễn Thái Bình, Tân Bình
142	Công ty TNHH Quảng Cáo và Truyền thông Y5 DIGI	84/3c Nguyễn Văn Khỗi, Phường 11, Quận Gò Vấp, Tphcm
143	Công ty TNHH Sài Gòn M.I.C.E	158G Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
144	Công ty TNHH SCG HOME Việt Nam	An Phú Plaza - tầng 9, 117-119 lý chính thắng, phường võ thị sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
145	Công ty TNHH SES Group	275/5 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, tp HCM
146	Công ty TNHH SOFTWOLF	Content Intern
147	Công ty TNHH SX TM Minh Sang	82 đường số 102, Cao Lỗ,phường 4, quận 8, TP HCM
148	Công ty TNHH SXTM May Túi Xách Ba Lô Hợp Phát - CN Tân Phú	23/36/2B Nguyễn Hữu Tiến, P.Tây Thạnh, Tân Phú (Gần KCN Tân Bình, TP HCM)
149	Công ty TNHH Tập Đoàn Toho Vina	284/17 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, HCM
150	Công ty TNHH Thời trang Nón Sơn	25/13 Ấp Mỹ Hòa, Xuân Thới Đông, Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh
151	Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng và Dịch vụ M.I.T.A	61 Đào Duy Anh, P.9, Q.Phú Nhuận, TP.HCM
152	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Zacoland	Địa chỉ 324/19 lý thường kiệt, p14, Quận 10
153	Công ty TNHH Thương Mại Fantasy	11 Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1
154	Công ty TNHH thương mại Lucas	193/13 Nguyễn Đình Chính, Phường 13, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
155	Công ty TNHH Thương mại Quang Dũng	72-74 tầng 20 toà nhà centec đường Nguyễn Thị Minh Khai P.6 Q.3
156	Công ty TNHH Thương Mại Và Đầu Tư Sài An	88 Xô Viết Nghệ Tĩnh P.21 Quận Bình Thạnh
157	Công ty TNHH TM Quảng Cáo Duy An	189C Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, HCM
158	Công ty TNHH TM Thành Kim Sơn Phamatech	35 Đ. Nguyễn Văn Giai, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
159	Công ty TNHH TM Thành Tiến	313 Hùng Vương, tổ dân phố Nghĩa Cam, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
160	Công ty TNHH TMDV - Đại lý Du lịch Bầu Trời Việt	196/9A Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
161	Công ty TNHH TMDV Bất động sản Thái Khang	121/13 Tân Cảng, phường 25, quận Bình Thạnh TPHCM
162	Công ty TNHH TMDV Đầu Tư Nhuận Tín	Sofic Tower, số 10 Mai Chí Thọ, Thành Phố Thủ Đức, TPHCM
163	Công ty TNHH TMDV NiNa	Toà nhà Sài Gòn Tel, lô 46 Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Q12
164	Công ty TNHH TMDV Nông Trại Khoai	89 Phạm Việt Chánh- p19- Bình Thạnh
165	Công Ty TNHH TMDV Proton	66 đường 2B, phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân, TPHCM
166	Công ty TNHH TMDV San San Group	179 Nguyễn Xí, Phường 26, Bình Thạnh, TPHCM
167	Công ty TNHH TMDV Viễn thông Thiên Tú	42/1 ung văn khiêm, phường 25 quận Bình Thạnh
168	Công ty TNHH TMSX Thực phẩm Phương Nam	957 Âu Cơ , P Tân Sơn Nhì , Quận Tân Phú
169	Công ty TNHH TRADE WIND GMD	3E/9 Phổ Quang, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
170	Công ty TNHH Truyền Thông Azgad Agency	1033 Cách Mạng Tháng 8, phường 7, quận Tân Bình, Tp HCM
171	Công ty TNHH Truyền Thông Quảng Cáo Trái Xoài	Toà nhà Charmington La Pointe, 181 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10
172	Công ty TNHH Tư vấn Du học Giáo dục Rex	Lầu 3, 512 Lý Thường Kiệt P.7 Quận Tân Bình TP.HCM
173	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế & Xây Dựng FIM House	206 Phạm Văn Bạch, P.15 , Q.Tân Bình
174	Công ty TNHH Vina Aspire	69 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM
175	Công ty TNHH VTI Education	C22BT6 phố Hoài Thanh, KĐT Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
176	Công ty TNHH WIWI	77 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
177	Công ty TNHH Wolffun	180 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
178	Công ty TNHH WOWZ TECH	Văn phòng số 10, tầng 9, tháp R1, cao ốc The EverRich, số 96 - Phường 15 - Quận 11 - TP Hồ Chí Minh

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
179	Công ty TNHH Xây Dựng Quảng Cáo Kim Ngân	479/2B Khu phố 8, Tân Hòa Đông, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.
180	Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Địa ốc Khang Thịnh	144 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
181	Công ty TNHH XNK Nệm Đông Dương	Đường số 2, KCN Biên Hoà 1, P An Bình, TP Biên Hoà, T Đồng Nai
182	DTC World Company Ltd	377/17 Lê Quang Định, Phường 5, Quận Bình Thạnh, Tphcm, Việt Nam
183	GIA KHIEM CONSULTANT COMPANY LIMITED	637/73/10 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
184	Legendary Dragon Company Limited	17A Đường Số 63, Phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.
185	LTP GLOBAL VINA COMPANY LIMITED	180/85 Nguyễn Hữu Cánh, phường 22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
186	Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở	Tòa Nhà Hm Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, Hcm
187	Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Trường Chinh	191 -191A Trương Chinh St, Tan Thoi Nhat Ward , District 12, HCM City
188	Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Gia Định	3 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh
189	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- PGD Quận 1	63B Calmeette, P Nguyễn Thái Bình, Quận 1
190	Ngân hàng TMCP VP Bank -Trung tâm SME Gia Định	Lầu 1 - 296 Phan Xích Long, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
195	Trường Trung cấp Nguyễn Tất Thành	306 Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, TP. HCM
196	Viễn Thông Phú Yên - CN Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Tổ chức Lễ ký kết hợp tác và Toạ đàm doanh nghiệp đồng hành cùng UEF năm 2023 với các doanh nghiệp tham gia thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT	Tầng 9, tòa nhà Parkson Paragon Số 3 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, TP.HCM
2	Công ty TNHH Sáng Thịnh	148 Nguyễn Trãi, P. Bến Thành, Q. 1, TP.HCM
3	Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm Larion	Tầng 3, Tòa nhà QTSC Building 1 Công viên phần mềm Quang Trung Đường 14, P. Tân Chánh Hiệp, Q. 12, TP.HCM
4	DEK Technologies (Úc)	Số 121/137 Lê Lợi, P. Bến Thành, Q. 1, TP.HCM

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
5	Công Ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Lazada Việt Nam	Tầng 19, Saigon Center 67 Lê Lợi, P. , Q. 1, TP.HCM
6	Công ty TNHH Phần Mềm SS4U	Lầu 4, Tòa nhà Tedi 15 Hoàng Hoa Thám, P. , Q. Bình Thạnh, TP.HCM
7	Công ty TNHH Solazu	Số 55-57 Nguyễn Văn Giai, P. Đakao, Q. 1, TP.HCM
8	Công Ty TNHH Phần Mềm FPT Hồ Chí Minh (FPT Software)	Lô T2, đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, TP Hồ Chí Minh
9	DXC Technology Services Vietnam	Etown 5, Số 364, Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP.HCM
10	Công Ty Cổ Phần TECHX (Techx Corporation)	Số 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
11	Công Ty TNHH Cốc Cốc	phòng 1202, tầng 12, toà nhà HITTC, số 185 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
12	Công Ty TNHH Trung Tâm Chuyên Gia Máy Tính Việt Nam (Specialist Computer Centres Vietnam Company Limited - Scc Vietnam)	Tầng 8, Tòa nhà MapleTree, 1060 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
13	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Và Đào Tạo Yoot	Căn 0504, Tầng 05, Tòa A1, Chung cư Gold View, 346 Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
14	Công ty TNHH LogiGear Việt Nam	66 Nguyễn Công Hoan, Phường 07, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
15	Công ty TNHH Harvey Nash (Việt Nam)	Lầu 3, Tòa nhà Etown, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
16	Công Ty TNHH Pizitech (Pizitech Co., Ltd)	TK 15/53 Nguyễn Cảnh Chân, P. Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
17	Công Ty TNHH Hệ Thống Thông Tin FPT - CN Tại Tp. Hồ Chí Minh	Lô B3 Đường Sáng Tạo, Khu E-Office, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
18	Công Ty CP Tập Đoàn Chuyển Đổi Số Nextpay	Tầng 12A, tòa nhà VTC Online, số 18, đường Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
19	Công Ty CP Tập Đoàn Nexttech	Toà nhà NextTech VFC Building, Số 134 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM
20	Công Ty TNHH Giải Pháp Phần Mềm Tường Minh (TMA Solutions)	111 Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

STT	DOANH NGHIỆP	ĐỊA CHỈ
21	Công Ty CP Thương Mại Vạn Xuân (Vantech)	194 Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.
22	Công Ty CP Vinova HCM	28/14 Lê Thị Hồng, Phường 17, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
23	Công Ty TNHH P.A Việt Nam	196 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
24	Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam	Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà HKC số 285, Phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình . TP Hà Nội
25	Công ty TNHH Jobtest	P1-2.43, Tầng 2, toà nhà The Prince Residence, 19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận
26	Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Tường Minh (TMA Technology Group)	111 Nguyễn Đình Chính, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
27	Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam (Vinasa)	Tầng 11, Cung Trí thức Thành phố, số 1 Tôn Thất Thuyết, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
28	Công ty Giga-byte Technology	170 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP.HCM
29	Công ty TNHH VTI Education	164 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
30	Công ty TNHH ANNECO	A.7.03 Tầng 7, Block A, Tòa nhà River Gate, 151-155 Bến Vân Đồn, Phường 06, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
31	Công ty CP Đầu tư Phát triển giáo dục VTCE	Tầng 4 -Tòa nhà VTC Online - Số 18, phố Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

2. Hợp tác quốc tế

Định hướng trở thành một trường đại học Việt Nam có vị thế về chất lượng được quốc tế công nhận, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang không ngừng thúc đẩy, kết nối các đối tác quốc tế ở khắp các châu lục trên thế giới. Hợp tác quốc tế đã góp phần tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật của Trường. Thông qua hợp tác quốc tế, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học được tăng cường rõ rệt. Hàng năm cán bộ và giảng viên của Trường được cử đi tham dự các hội nghị khoa học và đào tạo ở nước ngoài. Số lượng cán bộ và giảng viên quốc tế đến giảng dạy và học tập tại Trường ngày càng tăng. Trung bình mỗi năm Trường tiếp đón khoảng 15 lượt giảng viên và chuyên gia quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu, học tập và trao đổi. Kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học góp phần không nhỏ vào quá trình thiết lập vị thế của Trường trên bản

đề các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học quốc tế. Trong 5 năm gần đây trung bình mỗi năm có nhiều hợp đồng hợp tác quốc tế được ký mới và triển khai

VIII. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

Khoa Công nghệ thông tin là đơn vị quản lý các hoạt động chuyên môn đối với ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học.

Khoa Công nghệ thông tin được thành lập vào ngày 01/10/2007 theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQT của Chủ tịch HĐQT, đến năm 2016 được đổi tên thành Khoa Hệ thống thông tin và Thương mại theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 29/06/2016. Năm 2017 Khoa Hệ thống thông tin và Thương mại và Khoa Quan hệ công chúng - Truyền thông sáp nhập thành Khoa Truyền thông và Công nghệ thông tin theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 29/08/2017 của Chủ tịch HĐQT. Sau đó, năm 2018 Khoa được tách riêng thành Khoa Công nghệ thông tin theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 15/11/2018 của Chủ tịch HĐQT, Khoa Công nghệ thông tin luôn liên tục cải tiến về chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng đội ngũ giảng viên giàu chuyên môn và kinh nghiệm; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, thường xuyên tổ chức các cuộc thi học thuật; tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm dành cho sinh viên thông qua các chuyến tham quan thực tế; xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối doanh nghiệp nhằm gia tăng cơ hội việc làm cho sinh viên.

Khoa Công nghệ thông tin đào tạo 04 ngành trình độ đại học: Công nghệ thông tin; Thương mại điện tử; Khoa học dữ liệu; Thiết kế đồ họa.

Thực hiện sứ mạng đào tạo của Trường, Khoa Công nghệ thông tin luôn chú trọng đào tạo kết hợp giữa kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ; đảm bảo sinh viên tốt nghiệp dễ dàng thích nghi trong môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước mà còn có thể tự do di chuyển trong khu vực, góp phần cung cấp đội ngũ chuyên viên, trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin và thương mại điện tử cho phát triển vùng kinh tế các tỉnh phía Nam và cả nước.

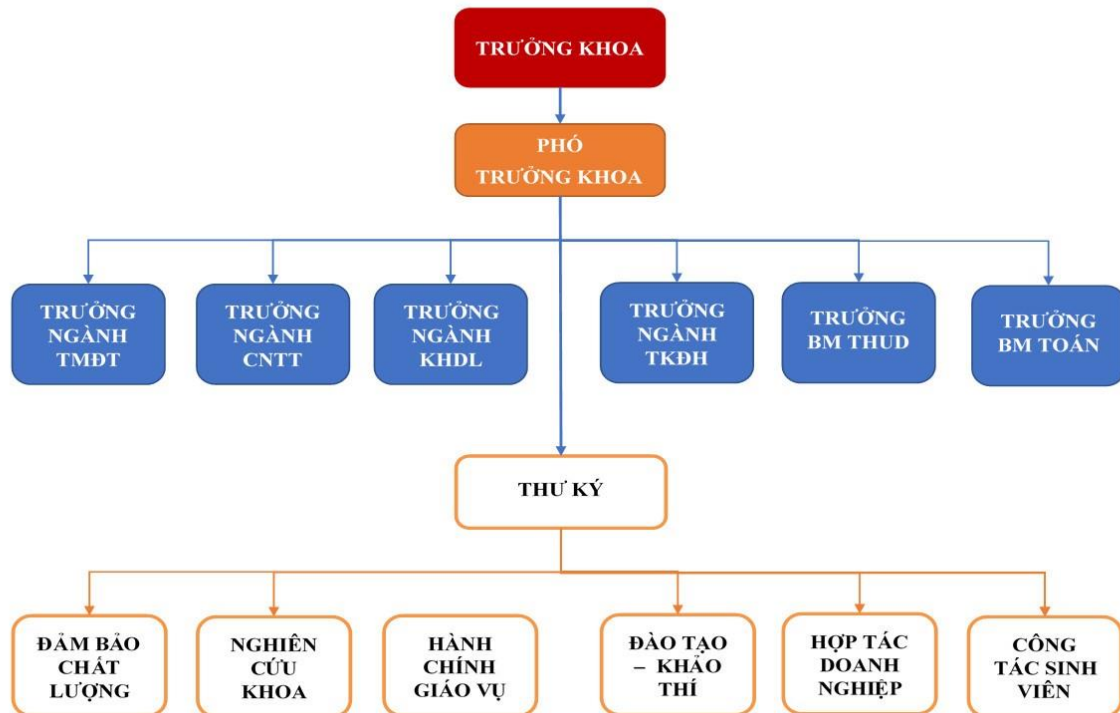
Khoa chú trọng nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, Khoa đã tiến hành kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin và ngành Thương mại điện tử đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành với tỷ lệ tiêu chí đạt yêu cầu 94%.

Khoa đã tiến hành tổ chức nhiều buổi hội thảo, báo cáo chuyên đề và giao lưu kiến tập trực tiếp tại doanh nghiệp, sinh hoạt CLB học thuật chuyên ngành với các diễn giả đến từ doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp quốc tế. Chương trình thực tập nghề nghiệp cuối khóa toàn thời gian không chỉ giúp SV viết chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp mà còn được trang bị kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp. Nhờ vậy, SV Khoa khi ra trường, thậm chí ngay từ lúc thực tập đã rất dễ dàng nắm bắt công việc thực tế và nhiều bạn đã sớm có việc làm ổn định tại nhiều công ty và các doanh nghiệp lớn.

2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Kỹ thuật phần mềm, trình độ đại học

Bộ máy tổ chức của Công nghệ thông tin gồm có: 01 Trưởng Khoa, 03 Phó Trưởng khoa, 04 trường ngành, 02 trưởng bộ môn, 68 Giảng viên cơ hữu và tổ thư ký

Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức hành chính của đơn vị thực hiện CTĐT



Bảng 17. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học của UEF (đính kèm).

IX. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương pháp ngăn ngừa và xử lý. Dưới đây là một số rủi ro khi mở ngành Kỹ thuật phần mềm, trình độ đại học và triển khai tuyển sinh:

- Người học bỏ học, trễ tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học lựa chọn ngành học chưa phù hợp nên khóa hoàn thành chương trình đào tạo, không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; do quá bận công tác, hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.

- Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác.

- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;

- Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

2.1. Người học bỏ học, trễ tiến độ

Vấn đề người học bỏ học, trễ tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Giải pháp chung: Cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học, bảo đảm đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học, Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục việc người học bỏ học, học trễ tiến độ.

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

Cố vấn học tập định hướng theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

Trung tâm hỗ trợ học vụ mỗi học kỳ sẽ có các thông kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

Tường và các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học. Phương thức này được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.

- Với trường hợp người học lựa chọn ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành Chương trình đào tạo; Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Ngoài ra, quy chế học vụ của Trường cũng cho phép sinh viên được chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác.

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực học tập, nghiên cứu: Cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

2.2. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác

- Nếu không đáp ứng đủ đội ngũ giảng viên có chuyên môn để bảo đảm chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả.

- Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghiên cứu khoa học cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cụ thể, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

- Thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý kể cả đối với giảng viên, chuyên viên, chuyên gia nước ngoài thông qua chính sách lương, thưởng nhằm trọng dụng nhân tài và khuyến khích mọi thành viên phấn đấu, cống hiến cho sự phát triển của Trường.

- Xây dựng và ban hành các quy định, tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả công việc của CB-GV-NV để áp dụng chế độ ưu đãi, bồi dưỡng kế cận, bố trí hợp lý vào các chức danh quản lý trong trường.

- Xây dựng chiến lược, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể theo từng giai đoạn để đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác đào tạo của Trường.

2.3. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Kỹ thuật phần mềm là điều tất yếu.

Phương án phòng ngừa:

- Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của Trường Đại học để thu hút Giảng viên có trình độ cao và giúp sinh viên cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của Trường.

- Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, giúp thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với cơ sở đào tạo khác.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để bảo đảm việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường Trung học phổ thông đặc biệt hệ thống mạng lưới các trường phổ thông về tỉnh vào những thời điểm quan trọng trước khi đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh

2.4. Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nếu ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với một số tiêu chuẩn như đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, thực tập, hoặc kết quả đào tạo, thì nhà trường có thể bị đình chỉ ngành đào tạo này.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Trường cần có kế hoạch thông báo cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/ đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Trường cần liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại Trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà sinh viên đảm bảo đáp ứng đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại.

X. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Căn cứ vào năng lực của Nhà trường, căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực đào tạo ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội, phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường Với mong muốn đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao ngành Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học có năng lực chuyên môn, có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu nền kinh tế mở hiện nay, được thị trường lao động và xã hội chấp nhận, góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm, trình độ đại học.

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo. Quy trình quản lý và tổ chức đào tạo của Nhà trường tuân thủ đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật Nhà nước. Hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học Kỹ thuật phần mềm của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT - BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Với những điều kiện thực tế đó, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh gửi hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học tới Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường.

Sau khi Đề án được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thẩm định thông qua và có kết luận, Hiệu trưởng sẽ Quyết định cho phép mở ngành đào tạo Kỹ thuật phần mềm trình độ đại học, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cam kết triển khai thực hiện và đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo như đã trình bày trong Đề án. Ngoài ra, Nhà trường sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và không ngừng đầu tư cơ sở vật chất hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hợp tác với nhiều doanh nghiệp uy tín trong nước và quốc tế, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Kính trình Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thẩm định, thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm trong năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐKH&ĐT UEF (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để b/cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT, VP.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Giang